**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH**

**NỘI DUNG CƠ BẢN**

**HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Chương nhập môn**

**ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập (3/2/1930). Từ thời điểm lịch sử đó, lịch sử của Đảng hòa quyện và song hành cùng lịch sử của dân tộc Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo và đưa sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, “có được cơ đồ là vị thế như ngày nay”. “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiền phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiền phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản”.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chuyên ngành lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã được nghiên cứu từ rất sớm. Năm 1933, tác giả Hồng Thế Công (tức Hà Huy Tập) đã công bố tác phẩm Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương. Ở các thời kỳ lịch sử của Đảng, Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo đã trình bày lịch sử và có những tổng kết quan trọng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đã nêu rõ nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết lịch sử Đảng, nhất là tổng kết kinh nghiệm, bài học lãnh đạo của Đảng, con đường và quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam.

Năm 1962, cơ quan chuyên trách nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng là Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương được thành lập (nay là Viện Lịch sử Đảng). Từ những năm 60 của thế kỷ XX, bộ môn lịch sử Đảng đã được giảng dạy, học tập chính thức trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị khóa VII, ngày 13-7-1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 255CT thành lập Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

**I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Đối tượng nghiên cứu của khoa học lịch sử Đảng là sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.

1. Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Các sự kiện thể hiện quá trình Đảng ra đời, phát triển và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến cứu quốc và xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,...

Sự kiện lịch sử Đảng là hoạt động lãnh đạo, đấu tranh phong phú và oanh liệt của Đảng, làm sáng rõ bản chất cách mạng của Đảng với tư cách là một đảng chính trị “là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”.

Hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng làm rõ thắng lợi, thành tựu của cách mạng, đồng thời cũng thấy rõ những khó khăn, thách thức, hiểu rõ những hy sinh, cống hiến lớn lao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, sự hy sinh, phấn đấu của các tổ chức lãnh đạo của Đảng. Các sự kiện phải được tái hiện trên cơ sở tư liệu lịch sử chính xác, trung thực, khách quan.

2. Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước bằng Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn. Lịch sử Đảng có đối tượng nghiên cứu là Cương lĩnh, đường lối của Đảng, phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh, đường lối đúng đắn là điều kiện trước hết quyết định thắng lợi của cách mạng.

Đảng đã đề ra cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930); Luận cương chính trị (10-1930); Chính cương của Đảng (2/1951) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (6/1991) và bổ sung, phát triển năm 2011. Quá trình lãnh đạo, Đảng đề ra đường lối nhằm cụ thể hóa Cương lĩnh trên những vấn đề nổi bật ở mỗi thời kỳ lịch sử.

3. Đảng lãnh đạo thông qua quá trình chỉ đạo, tổ chức thực tiễn trong tiến trình cách mạng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất, thành tựu của công cuộc đổi mới.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng là giáo dục sâu sắc những kinh nghiệm, bài học trong lãnh đạo của Đảng. Tổng kết kinh nghiệm, bài học, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam là công việc thường xuyên của Đảng ở mỗi thời kỳ lịch sử. Lịch sử Đảng là quá trình nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam.

4. Nghiên cứu của lịch sử Đảng là làm rõ hệ thống tổ chức của Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các giai đoạn và thời kỳ lịch sử. Xây dựng Đảng về chính trị bảo đảm tính đúng đắn của đường lối, củng cố chính trị nội bộ và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng. Xây dựng Đảng về tư tưởng “Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

**II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**.

**1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng.**

a) Chức năng nhận thức.

Nghiên cứu và học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để nhận thức đầy đủ, có hệ thống những tri thức lịch sử lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng, nhận thức rõ về Đảng với tư cách một Đảng chính trị - tổ chức lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Quy luật ra đời và phát triển của Đảng là sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng được trang bị học thuyết lý luận, có Cương lĩnh, đường lối rõ ràng, có tổ chức, kỷ luật chặt chẽ, hoạt động có nguyên tắc. Từ năm 1930 đến nay, Đảng là tổ chức lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng. Đảng thường xuyên tự xây dựng và chỉnh đốn để hoàn thành sứ mệnh lịch sử trước đất nước và dân tộc.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn nhằm nâng cao nhận thức về thời đại mới của dân tộc-thời đại Hồ Chí Minh, góp phần bồi đắp nhận thức lý luận từ thực tiễn Việt Nam. Nâng cao nhận thức về giác ngộ chính trị, góp phần làm rõ những vấn đề của khoa học chính trị (chính trị học) và khoa học lãnh đạo, quản lý. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

b) Chức năng giáo dục

Giáo dục sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn, ý chí tự lực, tự cường dân tộc. Tinh thần đó hình thành trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc và phát triển đến đỉnh cao ở thời kỳ Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giáo dục lý tưởng cách mạng với mục tiêu chiến lược là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò quan trọng trong giáo dục truyền thống của Đảng và dân tộc, góp phần giáo dục đạo đức cách mạng, nhân cách, lối sống cao đẹp như Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”.

c) Chức năng dự báo và phê phán

+ Chức năng dự báo: Dự báo là sự tiên đoán có căn cứ khoa học, mang tính chất xác suất về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát triển của đối tượng nghiên cứu hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu nhất định đã đề ra trong tương lai.

Từ nhận thức những gì đã diễn ra trong quá khứ để hiểu rõ hiện tại và dự báo tương lai của sự phát triển. Năm 1942, trong tác phẩm Lịch sử nước ta, Hồ Chí Minh đã dự báo: “Năm 1945 Việt Nam độc lập”. Sau này, Người còn nhiều lần dự báo chính xác trong 2 cuộc kháng chiến. Lãnh đạo đòi hỏi phải thấy trước. Hiện nay, Đảng nhấn mạnh nâng cao năng lực dự báo.

+ Chức năng phê phán: Để tăng cường sự lãnh đạo, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng.

**2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng**

- Nhiệm vụ trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối của Đảng. Khoa học lịch sử Đảng có nhiệm vụ hàng đầu là khẳng định, chứng minh giá trị khoa học và hiện thực của những mục tiêu chiến lược và sách lược cách mạng mà Đảng đề ra trong Cương lĩnh, đường lối từ khi Đảng ra đời và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Sự lựa chọn mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử, đã và đang được hiện thực hóa.

- Nhiệm vụ tái hiện tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng. Từ hiện thực lịch sử và các nguồn tư liệu thành văn và không thành văn, khoa học lịch sử Đảng có nhiệm vụ rất quan trọng và làm rõ những sự kiện lịch sử, làm nổi bật các thời kỳ, giai đoạn và dấu mốc phát triển căn bản của tiến trình lịch sử, nghĩa là tái hiện quá trình lịch sử lãnh đạo và đấu tranh của Đảng.

- Nhiệm vụ tổng kết lịch sử của Đảng. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam không dừng lại mô tả, tái hiện sự kiện và tiến trình lịch sử, mà còn có nhiệm vụ tổng kết từng chặng đường và suốt tiến trình lịch sử, làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật và những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam. Quy luật và những vấn đề lý luận ở tầm tổng kết cao hơn.

- Một nhiệm vụ quan trọng của lịch sử Đảng là làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở trong lãnh đạo, tổ chức thực tiễn. Những truyền thống nổi bật của Đảng; Tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo, những chiến sĩ cộng sản tiêu biểu trong các thời kỳ cách mạng; trí tuệ, tính tiên phong, gương mẫu, bản lĩnh của cán bộ, đảng viên; Những giá trị truyền thống, đức hy sinh ... luôn luôn là động lực cho sự phát triển và bản chất cách mạng của Đảng.

**III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**1. Quán triệt phương pháp luận sử học**

Phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần dựa trên phương pháp luận khoa học mác xít, đặc biệt là nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét và nhận thức lịch sử một cách khách quan, trung thực và đúng quy luật. Chú trọng nhận thức lịch sử theo quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển và lịch sử cụ thể.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là kết quả của tư duy biện chứng, khoa học để xem xét, nhận thức lịch sử. Khi nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cần thiết phải nhận thức, vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử để nhận thức tiến trình cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Lý luận về hình thái kinh tế-xã hội; về giai cấp và đấu tranh giai cấp; về dân tộc và đấu tranh dân tộc; về vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử; về các động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội và lịch sử; về cách mạng xã hội và tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản.

Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

**2. Các phương pháp cụ thể**

a) Phương pháp lịch sử

“Phương pháp lịch sử là các con đường, cách thức tìm hiểu và trình bày quá trình phát triển của các sự vật và hiện tượng nói chung, của lịch sử loài người nói riêng với đầy đủ tính cụ thể, sống động, quanh co của chúng”.

“Phương pháp lịch sử là nhằm diễn lại tiến trình phát triển của lịch sử với muôn màu muôn vẻ, nhằm thể hiện cái lịch sử với tính cụ thể hiện thực, tính sinh động của nó. Nó giúp chúng ta nắm vững được cái lịch sử để có cơ sở nắm cái logic được sâu sắc”.

Phương pháp lịch sử đi sâu vào tính muôn vẻ của lịch sử để tìm ra cái đặc thù, cái cá biệt trong cái phổ biến. Các hiện tượng lịch sử thường hay tái diễn, nhưng không bao giờ hoàn toàn như cũ; phương pháp lịch sử chú ý tìm ra cái khác trước, cái không lặp để thấy những nét đặc thù lịch sử. Phương pháp lịch sử phải hiểu tính chất, bản chất của sự kiện, hiện tượng, do đó không tách rời phương pháp logic.

b) Phương pháp logic

“Phương pháp logic là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng lịch sử trong hình thức tổng quát, nhằm mục đích vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng chung trong sự vận động của chúng”.

Phương pháp logic đi sâu tìm hiểu cái bản chất, cái phổ biến, cái lặp lại của các hiện tượng, các sự kiện, phân tích, so sánh, tổng hợp với tư duy khái quát để tìm ra bản chất các sự kiện, hiện tượng. Xác định rõ các bước phát triển tất yếu của quá trình lịch sử để tìm ra quy luật vận động khách quan của lịch sử phương pháp logic chú trọng những sự kiện, nhân vật, giai đoạn mang tính điển hình. Cần thiết phải nắm vững logic học và rèn luyện tư duy logic, phương pháp logic có ý nghĩa quyết định đến sự nhận thức đúng đắn thế giới khách quan, hiện thực lịch sử, thấy rõ được hướng phát triển của lịch sử. Từ nắm vững quy luật khách quan mà vận dụng vào thực tiễn cách mạng, góp phần chủ động cải tạo, cải biến thế giới và lịch sử.

Phương pháp lịch sử và phương pháp logic có quan hệ mật thiết với nhau và đó là sự thống nhất của phương pháp biện chứng mác xít trong nghiên cứu và nhận thức lịch sử. Các phương pháp đó không tách rời mà luôn luôn gắn với nguyên tắc tính khoa học và tính đảng trong khoa học lịch sử và trong chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

c) Các phương pháp khác

Học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần coi trọng phương pháp tổng kết thực tiễn lịch sử gắn với nghiên cứu lý luận để làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật phát triển và những vấn đề về nhận thức lý luận của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Chú trọng phương pháp so sánh, so sánh giữa các giai đoạn, thời kỳ lịch sử, so sánh các sự kiện, hiện tượng lịch sử, làm rõ các mối quan hệ, so sánh trong nước và thế giới v.v...

Phương pháp học tập của sinh viên, hết sức coi trọng nghe giảng trên lớp để nắm vững những nội dung cơ bản của từng bài giảng của giảng viên, và nội dung tổng thể của môn học. Thực hiện phương pháp làm việc nhóm, tiến hành thảo luận, trao đổi các vấn đề do giảng viên đặt ra để hiểu rõ hơn nội dung chủ yếu của môn học. Sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập. Tổ chức các cuộc làm việc tại bảo tàng lịch sử quốc gia, bảo tàng địa phương và các di tích lịch sử đặc biệt gắn với sự lãnh đạo của Đảng.

**IV. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Tính khoa học là sự phản ánh kết quả nghiên cứu sự vật, hiện tượng, sự kiện lịch sử phải đạt đến chân lý khách quan. Tính khoa học đòi hỏi phản ánh lịch sử khách quan, trung thực với những đánh giá, kết hợp dựa trên luận cứ khoa học, tôn trọng hiện thực lịch sử. Tính khoa học yêu cầu phương pháp nghiên cứu sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm. Tính đảng cộng sản trong nghiên cứu lịch sử và lịch sử Đảng là đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức lịch sử một cách khoa học, đúng đắn; là sự phản ánh đúng đắn quan điểm, đường lối của Đảng vì lợi ích của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của dân tộc. Tính khoa học và tính đảng là thống nhất và đều hướng tới phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, của cách mạng vì lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đối với hệ đại học không chuyên về lý luận chính trị, với phân bổ 2 tín chỉ (30 tiết giảng lý thuyết), tập trung nghiên cứu các chương tương ứng với 3 thời kỳ nổi bật của lịch sử Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Sinh viên cần nắm vững hệ thống những vấn đề cơ bản của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Cụ thể là:

Hiểu rõ đặc điểm, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, phong kiến ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Sự phát triển tất yếu của đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại. Tình hình đất nước đen tối như không có đường ra. Trong hoàn cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường đấu tranh đúng đắn để giành độc lập cho dân tộc và giải phóng nhân dân. Người đã truyền bá lý luận cách mạng là chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam và phát triển sáng tạo học thuyết lý luận đó phù hợp với thực tiễn Việt Nam; Chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị, tổ chức, cán bộ để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mùa Xuân năm 1930 với Cương lĩnh chính trị đúng đắn đã mở ra thời kỳ phát triển mới của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

Từ năm 1930 đến năm 1945, Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc, lãnh đạo các phong trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939 và cao trào giải phóng dân tộc (1939-1945) dẫn đến thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Cần nắm vững tính chất, đặc điểm, ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng tháng Tám và bản Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945) – sự kiện mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc và cách mạng Việt Nam.

Trong hoàn cảnh lịch sử với nhiều khó khăn, thách thức của thời kỳ mới, Đảng có đường lối, chiến lược và sách lược phù hợp,vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng chính quyền nhà nước và chế độ mới; đề ra đường lối và lãnh đạo kháng chiến làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp đưa đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954) và các nước ký kết Hiệp nghị Geneve (21/7/1954). Đế quốc Mỹ áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 với các chiến lược chiến tranh tàn bạo chống lại dân tộc Việt Nam và phong trào cách mạng giải phóng trên thế giới. Đảng đề ra đường lối, kiên trì lãnh đạo đấu tranh, vượt qua thách thức hiểm nghèo dẫn đến toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975).

Cần nhận thức rõ quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, với đường lối do Đại hội III của Đảng đề ra (9/1960); đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975. Hiểu được quá trình đổi mới tư duy lý luận, khảo nghiệm thực tiễn trong những năm 1975-1986 để hình thành con đường đổi mới đất nước. Nắm vững đường lối đổi mới được hoạch định tại Đại hội VI của Đảng (12/1986); sự phát triển đường lối và tổ chức thực hiện hơn 30 năm qua đưa đất nước vững bước phát triển trên con đường xã hội chủ nghĩa. Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, các cuộc kháng chiến, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải vượt qua nhiều nguy cơ, khó khăn, thách thức, trong đó có cả khuyết điểm, yếu kém ở mỗi thời kỳ, song Đảng đã kiên cường cùng toàn dân vượt qua, quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ hơn những truyền thống vẻ vang của Đảng.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, *“là cả một pho lịch sử bằng vàng”*. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học quý báu có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

Mục tiêu của nghiên cứu, học tập môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là nâng cao nhận thức, hiểu biết về Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiền phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam đưa đến những thắng lợi, thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc. Qua học tập, nghiên cứu lịch sử Đảng để giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng, nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ gia nhập Đảng, tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mệnh vẻ vang của Đảng là lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**Chương 1**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)**

**I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG (THÁNG 2/1930)**

**1. Bối cảnh lịch sử**

*a)Tình hình thế giới tác động đến cách mạng Việt Nam*

Từ nửa sau thế kỷ XIX, các nước tư bản Âu - Mỹ có những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội. Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa), đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ-Latinh, biến các quốc gia này thành thuộc địa của các nước đế quốc. Trước bối cảnh đó, nhân dân các dân tộc bị áp bức đã đứng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thực dân, đế quốc, tạo thành phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ, rộng khắp, nhất là ở châu Á. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đối với các nước tư bản, mà còn có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản, do V.I.Lênin đứng đầu, được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quốc tế Cộng sản không những vạch đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản mà cả đối với các vấn đề dân tộc và thuộc địa; giúp đỡ, chỉ đạo phong trào giải phóng dân tộc. Cùng với việc nghiên cứu và hoàn thiện chiến lược và sách lược về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế Chính sách đã tiến hành hoạt động truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản và thúc đẩy phong trào đấu tranh ở khu vực này đi theo khuynh hướng vô sản. Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920) đã thông qua *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* do V.I.Lênin khởi xướng. Cách mạng tháng Mười và những hoạt động cách mạng của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thức tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam và Đông Dương.

*b)Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng*

+ Tình hình Việt Nam

Là quốc gia Đông Nam Á nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng của châu Á, Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp trong cuộc chạy đua với nhiều đế quốc khác. Sau một quá trình điều tra thám sát lâu dài, thâm nhập kiên trì của các giáo sĩ và thương nhân Pháp, ngày 1/9/1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng và từ đó từng bước thôn tính Việt Nam. Đó là thời điểm chế độ phong kiến Việt Nam (dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn) đã lâm vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Trước hành động xâm lược của Pháp, Triều đình nhà Nguyễn từng bước thỏa hiệp (Hiệp ước 1862, 1874, 1883) và đến ngày 6/6/1884 với Hiệp ước Patơnốt đã đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp, Việt Nam trở thành “một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác”. => Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng trở thành “chiến lợi phẩm” giá trị nhất của Pháp do là khu vực vô cùng trù phú và đông dân, cung cấp nguồn tài nguyên dồi dào, nhân công rẻ mạt.

Tuy triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, nhưng nhân dân Việt Nam vẫn không chịu khuất phục, phong trào đấu tranh nổ ra liên tục, khắp các địa phương. Thực dân Pháp dùng vũ lực để bình định, đàn áp sự nổi dậy của nhân dân. Thực dân Pháp tiến hành xây dựng hệ thống chính quyền thuộc địa, bên cạnh đó vẫn duy trì chính quyền phong kiến bản xứ làm tay sai. Pháp thực hiện chính sách “chia để trị” nhằm phá vỡ khối đoàn kết cộng đồng quốc gia dân tộc: chia ba kỳ (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ) với các chế độ chính trị khác nhau nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp (Union Indochinoise) được thành lập ngày 17/10/1887 theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp.

Từ năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành khai thác thuộc địa lớn: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) và khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929). Mưu đồ của thực dân Pháp nhằm biến Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của “chính quốc”, đồng thời ra sức vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề.

Chế độ cai trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam là “chế độ độc tài chuyên chế nhất, nó vô cùng khả ố và khủng khiếp hơn cả chế độ chuyên chế của nhà nước quân chủ châu Á đời xưa”. Năm 1862, Pháp đã lập nhà tù ở Côn Đảo để giam cầm những người Việt Nam yêu nước chống Pháp.

Về văn hóa - xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” để dễ cai trị, lập nhà tù nhiều hơn trường học, đồng thời du nhập những giá trị phản văn hóa, duy trì tệ nạn xã hội vốn có của chế độ phong kiến và tạo nên nhiều tệ nạn xã hội mới, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc các thế hệ người Việt Nam...

Chế độ áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. Dưới chế độ phong kiến, giai cấp địa chủ và nông dân là hai giai cấp cơ bản trong xã hội, khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, giai cấp địa chủ bị phân hóa.

Một bộ phận địa chủ câu kết với thực dân Pháp và làm tay sai đắc lực cho Pháp trong việc ra sức đàn áp phong trào yêu nước và bóc lột nông dân; một bộ phận khác nêu cao tinh thần dân tộc khởi xướng và lãnh đạo các phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương; một số trở thành lãnh đạo phong trào nông dân chống thực dân Pháp và phong kiến phản động; một bộ phận nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản.

Giai cấp nông dân chiếm số lượng đông đảo nhất (khoảng hơn 90% dân số), đồng thời là một giai cấp bị phong kiến, thực dân bóc lột nặng nề nhất. Do vậy, ngoài mâu thuẫn giai cấp vốn có với giai cấp địa chủ, từ khi thực dân Pháp xâm lược, giai cấp nông dân còn có mâu thuẫn sâu sắc với thực dân xâm lược. Đây là lực lượng hùng hậu, có tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất cho nền độc lập tự do của dân tộc và khao khát giành lại ruộng đất cho dân cày, khi có lực lượng tiên phong lãnh đạo, giai cấp nông dân sẵn sàng vùng dậy làm cách mạng lật đổ thực dân, phong kiến.

Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành gắn với các cuộc khai thác thuộc địa, với việc thực dân Pháp thiết lập các nhà máy, xí nghiệp, công xưởng, khu đồn điền... Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng vì ra đời trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, chủ yếu xuất thân từ nông dân, cơ cấu chủ yếu là công nhân khai thác mỏ, đồn điền, lực lượng còn nhỏ bé, nhưng sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, nhanh chóng phát triển từ “tự phát” đến “tự giác”, thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp tư sản Việt Nam xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân. Một bộ phận gắn liền lợi ích với tư bản Pháp, tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của chính quyền thực dân Pháp, trở thành tầng lớp tư sản mại bản. Một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc, họ bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế. Phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.

Tầng lớp tiểu tư sản (tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,...) bị đế quốc, tư bản chèn ép, khinh miệt, họ có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị và thời cuộc. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, hay dao động, thiếu kiên định, do đó tầng lớp tiểu tư sản không thể lãnh đạo cách mạng.

Các sĩ phu phong kiến cũng có sự phân hóa: một bộ phận hướng sang tư tưởng dân chủ tư sản hoặc tư tưởng vô sản; một số người khởi xướng các phong trào yêu nước có ảnh hưởng lớn.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã có sự biến đổi rất quan trọng cả về chính trị, kinh tế, xã hội. Chính sách cai trị và khai thác bóc lột của thực dân Pháp đã làm phân hóa những giai cấp vốn là của chế độ phong kiến (địa chủ, nông dân) đồng thời hình thành những giai cấp, tầng lớp mới (công nhân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản) với thái độ chính trị khác nhau. Những mâu thuẫn mới trong xã hội Việt Nam xuất hiện, trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động trở thành mâu thuẫn chủ yếu nhất và ngày càng gay gắt.

Trong bối cảnh đó, những luồng tư tưởng ở bên ngoài: tư tưởng Cách mạng tư sản Pháp 1789, phong trào Duy tân Nhật Bản năm 1868, cuộc vận động Duy tân tại Trung Quốc năm 1898, Cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc năm 1911..., đặc biệt là Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến phong trào yêu nước những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Năm 1919, trên chiến hạm của Pháp ở Hắc Hải (Biển Đen), Tôn Đức Thắng tham gia đấu tranh chống việc can thiệp vào nước Nga Xô viết. Năm 1923, luật sư Phan Văn Trường từ Pháp về nước và ông công bố tác phẩm: Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (The Manifesto of the Communist Party) của C.Mác và Ph.Ăngghen đăng trên báo La Cloche Fêlée, từ số ra ngày 29/3 đến 20/4/1926, tại Sài Gòn, góp phần tuyên truyền tư tưởng vô sản ở Việt Nam.

* **Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng**

Ngay từ khi Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã diễn ra liên tục, rộng khắp. Đến năm 1884, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã đầu hàng, nhưng một bộ phận phong kiến yêu nước đã cùng với nhân dân vẫn tiếp tục đấu tranh vũ trang chống Pháp, như phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng (1885-1896). Hưởng ứng lời kêu gọi Cần Vương cứu nước, các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)... diễn ra sôi nổi và thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của các tầng lớp nhân dân. Cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng thất bại (1896) cũng là mốc chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam.

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở vùng miền núi và trung du phía Bắc, phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang) nổ ra dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám. Nghĩa quân đã xây dựng lực lượng chiến đấu, lập căn cứ và đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp suốt gần 30 năm. Phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng “cốt cách phong kiến”, không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, do vậy cũng bị thực dân Pháp đàn áp.

Từ những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước Việt Nam chịu ảnh hưởng, tác động của trào lưu dân chủ tư sản, tiêu biểu là xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh và sau đó là phong trào tiểu tư sản trí thức của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng (12/1927 – 2/1930) đã tiếp tục diễn ra rộng khắp các tỉnh Bắc kỳ, nhưng tất cả đều không thành công.

Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo: Với chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật Bản, phong trào theo xu hướng này tổ chức đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang Nhật Bản học tập (gọi là phong trào “Đông Du”). Đến năm 1908, Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam và những người đứng đầu phong trào.

Sau khi phong trào Đông Du thất bại, với sự ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi (1911) Trung Quốc, năm 1912 Phan Bội Châu lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội với tôn chỉ là vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam. Nhưng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội lại thiếu rõ ràng. Cuối năm 1913, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt giam tại Trung Quốc cho tới đầu năm 1917 và sau này bị quản chế tại Huế cho đến khi ông mất (1940). Ảnh hưởng xu hướng bao động của tổ chức Việt Nam Quang phục hội đối với phong trào yêu nước Việt Nam đến đây chấm dứt.

Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh: Phan Châu Trinh và những người cùng chí hướng muốn giành độc lập cho dân tộc nhưng không đi theo con đường bạo động như Phan Bội Châu, mà chủ trương cải cách đất nước. Phan Châu Trinh cho rằng “bất bạo động, bạo động tắc tử”; phải “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. Để thực hiện được chủ trương ấy, Phan Châu Trinh đã đề nghị Nhà nước “bảo hộ” Pháp tiến hành cải cách. Đó chính là sự hạn chế trong xu hướng cải cách để cứu nước. Do vậy, khi phong trào Duy Tân lan rộng khắp cả Trung kỳ và Nam kỳ, đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung kỳ (1908), thực dân Pháp đã đàn áp dã man, giết hại nhiều sĩ phu và nhân dân tham gia biểu tình. Nhiều sĩ phu bị bắt, bị đày đi Côn Đảo, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn... Phong trào chống thuế ở Trung kỳ bị thực dân Pháp dập tắt, cùng với sự kiện tháng 12/1907 thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa Trường Đông Kinh Nghĩa Thục phản ánh sự kết thúc xu hướng cải cách trong phong trào cứu nước của Việt Nam.

Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng: Khi thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa lần thứ hai, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp càng trở nên gay gắt, các giai cấp, tầng lớp mới trong xã hội Việt Nam đều bước lên vũ đài chính trị. Trong đó, hoạt động có ảnh hưởng rộng và thu hút nhiều học sinh, sinh viên yêu nước ở Bắc kỳ là tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Trên cơ sở các tổ chức yêu nước của tiểu tư sản trí thức, Việt Nam Quốc dân đảng được chính thức thành lập tháng 12/1927 tại Bắc kỳ.

Mục đích của Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp đấu tranh vũ trang nhưng theo lối manh động, ám sát cá nhân và lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên... Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở một số tỉnh, chủ yếu và mạnh nhất là ở Yên Bái (2/1930) tuy oanh liệt nhưng nhanh chóng bị thất bại.

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến, ngọn cờ dân chủ tư sản của nhân dân Việt Nam đã diễn ra quyết liệt, liên tục và rộng khắp. Dù với nhiều cách thức tiến hành khác nhau, song đều hướng tới mục tiêu giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, “các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại”.

Nguyên nhân thất bại của các phong trào đó là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh thích hợp để đánh đổ kẻ thù.

Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

**2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng**

Năm 1911 Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Qua trải nghiệm thực tế qua nhiều nước, Người đã nhận thức được rằng một cách rạch ròi: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột”, từ đó xác định rõ kẻ thù và lực lượng đồng minh của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Năm 1917, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ tới nhận thức của Nguyễn Tất Thành - đây là cuộc “cách mạng đến nơi”. Người từ nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động chính trị hướng về tìm hiểu con đường Cách mạng tháng Mười Nga, về V.I.Lênin.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiến bộ nhất lúc đó ở Pháp.

Tháng 6/1919, tại Hội nghị của các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp ở Vécxây (Versailles), Tổng thống Mỹ Uynxơn tuyên bố bảo đảm về quyền dân tộc tự quyết cho các nước thuộc địa. Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người An Nam yêu nước ở Pháp gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam (gồm tám điểm đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam) ngày 18/6/1919. Những yêu sách đó không được Hội nghị đáp ứng, nhưng sự kiện này đã tạo nên tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế và Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ hơn bản chất của đế quốc, thực dân.

Tháng 7/1920, Người đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin đăng trên báo L’Humanité (Nhân đạo), số ra ngày 16 và 17/7/1920. Những luận điểm của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Lý luận của V.I.Lênin và lập trường đúng đắn của Quốc tế Cộng sản về cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc xác định thái độ ủng hộ việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12/1920) tại thành phố Tua (Tour). Tại Đại hội này, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản do V.I.Lênin thành lập).

Nguyễn Ái Quốc cùng với những người vừa bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố thành lập Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản - tức là Đảng Cộng sản Pháp. Với sự kiện này, Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

Ngày 30/6/1923, Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô và làm việc tại Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva, tham gia nhiều hoạt động, đặc biệt là dự và đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (17/6 – 8/7/1924), làm việc trực tiếp ở Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Sau khi xác định được con đường cách mạng đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục khảo sát, tìm hiểu để hoàn thiện nhận thức về đường lối cách mạng vô sản, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về Việt Nam.

*\* Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng.*

*- Chuẩn bị về tư tưởng:* Từ giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo Le Paria (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài trên các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tập san Thư tín quốc tế,...

Năm 1922, Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương. Vừa nghiên cứu lý luận, vừa tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, dưới nhiều phương thức phong phú, Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo, lên án bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng.

Trong tác phẩm Đường cách mệnh (năm 1927), Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”. Phải truyền bá tư tưởng vô sản, lý luận Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

*- Chuẩn bị về chính trị*: Xuất phát từ thực tiễn cách mạng thế giới và đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, kế thừa và phát triển quan điểm của V.I.Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định: con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là *giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc*; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân.

Nguyễn Ái Quốc xác định, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở “chính quốc” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở “chính quốc” mà có thể thành công trước cách mạng vô sản ở “chính quốc”, góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở “chính quốc”.

Đối với các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: ở nước nông nghiệp lạc hậu, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, vì vậy phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải xây dựng khối liên minh công nông làm động lực cách mạng: “công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông”. Do vậy, Người xác định rằng, cách mạng “là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người”.

Về vấn đề Đảng Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”.

Phong trào “Vô sản hóa” do Kỳ bộ Bắc kỳ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát động từ ngày 29/9/1928 đã góp phần truyền bá tư tưởng vô sản, rèn luyện cán bộ và xây dựng, phát triển tổ chức của công nhân.

*- Chuẩn bị về tổ chức*: Sau khi lựa chọn con đường cứu nước - con đường cách mạng vô sản - cho dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc khẳng định phải “đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”. Vì vậy, sau một thời gian hoạt động ở Liên Xô để tìm hiểu, khảo sát thực tế về cách mạng vô sản, tháng 11/1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc) - nơi có đông người Việt Nam yêu nước hoạt động - để xúc tiến các công việc tổ chức thành lập Đảng Cộng sản. Tháng 2/1925, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã, lập ra nhóm Cộng sản đoàn.

Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc), nòng cốt là Cộng sản đoàn. Hội đã công bố chương trình, điều lệ của Hội, mục đích: để làm cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản). Hệ thống tổ chức của Hội gồm 5 cấp: trung ương bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ hay thành bộ, huyện bộ và chi bộ. Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội. Trụ sở đặt tại Quảng Châu.

Hội xuất bản tờ báo Thanh niên, ngày 21/6/1925 ra số đầu tiên, đến tháng 4/1927, báo do Nguyễn Ái Quốc phụ trách và ra được 88 số. Tổng bộ đã tiếp tục việc xuất bản và hoạt động cho đến tháng 2/1930 với 202 số (từ số 89 trở đi, trụ sở báo chuyển về Thượng Hải). Một số lượng lớn báo Thanh niên được bí mật đưa về nước và tới các trung tâm phong trào yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Báo Thanh niên đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam.

Sau khi thành lập, Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách, phái người về nước vận động, lựa chọn và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị. Từ giữa năm 1925 đến tháng 4/1927, Hội đã tổ chức được trên 10 lớp huấn luyện tại nhà số 13A và 13B đường Văn Minh, Quảng Châu. Sau khi được đào tạo, các hội viên được cử về nước xây dựng và phát triển phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản. Trong số học viên được đào tạo ở Quảng Châu, có nhiều đồng chí được cử đi học trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

Sau sự biến chính trị ở Quảng Châu (4/1927), Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcơva và sau đó được Quốc tế Cộng sản cử đi công tác ở nhiều nước Châu Âu. Năm 1928, Người trở về châu Á và hoạt động ở Xiêm (tức Thái Lan).

Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu, được Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản thành cuốn Đường Cách mệnh. Đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, trong đó tầm quan trọng của lý luận cách mạng được đặt ở vị trí hàng đầu đối với cuộc vận động cách mạng và đối với đảng cách mạng tiên phong. Đường Cách mệnh xác định rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và phương pháp đấu tranh của cách mạng. Tác phẩm thể hiện tư tưởng nổi bật của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dựa trên cơ sở vấn đề sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào đặc điểm của Việt Nam.

Ở trong nước, từ đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở, đến năm 1927, các kỳ bộ được thành lập. Hội còn chú trọng xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan). Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chưa phải là chính đảng cộng sản, nhưng chương trình hành động đã thể hiện quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, là tổ chức tiền thân dẫn tới ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hội là tổ chức trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và cũng là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Những hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928-1929 theo xu hướng cách mạng vô sản. Đó là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

*a) Các tổ chức cộng sản ra đời*

Với sự nỗ lực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc và những hoạt động tích cực của các cấp bộ trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trên cả nước đã có tác dụng thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Những cuộc đấu tranh của thợ thuyền khắp ba kỳ với nhịp độ, quy mô ngày càng lớn, nội dung chính trị ngày càng sâu sắc. Số lượng các cuộc đấu tranh của công nhân trong năm 1928 -1929 tăng gấp 2,5 lần so với 2 năm 1926-1927.

Đến năm 1929, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào. Trước tình hình đó, tháng 3-1929, những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) họp tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, quyết định lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Ngày 17/6/1929, đại biểu của các tổ chức cộng sản ở Bắc kỳ họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ; lấy cờ đỏ búa liềm là Đảng kỳ và quyết định xuất bản báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận.

Trước ảnh hưởng của Đông Dương Cộng sản Đảng, những thanh niên yêu nước ở Nam kỳ theo xu hướng cộng sản, lần lượt tổ chức những chi bộ cộng sản. Tháng 11-1929, trên cơ sở các chi bộ cộng sản ở Nam kỳ, An Nam Cộng sản Đảng được thành lập tại Khánh Hội, Sài Gòn, công bố Điều lệ, quyết định xuất bản Tạp chí Bônsơvích.

Tại Trung kỳ, Tân Việt Cách mạng đảng (là một tổ chức thanh niên yêu nước có cả Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai...) chịu tác động mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - đã đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Tháng 9/1929, những người tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng đảng họp bàn việc thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Sự ra đời ba tổ chức cộng sản trên cả nước diễn ra trong vòng nửa cuối năm 1929 đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền sẽ không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước.

Sự chuyển biến mạnh mẽ các phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ngày càng lên cao, nhu cầu thành lập một chính đảng cách mạng có đủ khả năng tập hợp lực lượng toàn dân tộc và đảm nhiệm vai trò lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc ngày càng trở nên bức thiết đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

*b) Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23/12/1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Kông (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đến họp tại Cửu Long (Hồng Kông) tiến hành hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.

Hội nghị từ ngày 6/1 đến ngày 7/2/1930. Trong Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, ngày 18/2/1930. Thành phần dự Hội nghị: gồm 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh), 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - đại biểu của Quốc tế Cộng sản.

Chương trình nghị sự của Hội nghị:

1. Đại biểu của Quốc tế Cộng sản nói lý do cuộc hội nghị;

2. Thảo luận ý kiến của đại biểu Quốc tế Cộng sản về: a) Việc hợp nhất tất cả các nhóm cộng sản thành một tổ chức chung, tổ chức này sẽ là một Đảng Cộng sản chân chính; b) kế hoạch thành lập tổ chức đó.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu ra năm điểm lớn cần thảo luận và thống nhất:

1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương;

2. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;

3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng;

4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;

5. Cử một Ban Trung ương lâm thời...

Hội nghị thảo luận, tán thành ý kiến chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, thông qua các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị xác định rõ tôn chỉ mục đích của Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”. Quy định điều kiện vào Đảng: là những người “tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một bộ phận đảng”.

Hội nghị chủ trương các đại biểu về nước phải tổ chức một Trung ương lâm thời để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Hệ thống tổ chức Đảng từ chi bộ, huyện bộ, thị bộ hay khu bộ, tỉnh bộ, thành bộ hay đặc biệt bộ và Trung ương.

Ngoài ra, Hội nghị còn quyết định chủ trương xây dựng các tổ chức công hội, nông hội, cứu tế, tổ chức phản đế và xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền của Đảng.

Đến ngày 24/2/1930, việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất được hoàn thành với Quyết nghị của Lâm thời chấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có giá trị như một Đại hội Đảng. Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc ra Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng. Mở đầu Lời kêu gọi, Người viết: “Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ”.

*c) Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2- 1930)*

Trong các văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, có hai văn kiện, đó là: Chánh cương vắn tắt của Đảng và Sách lược vắn tắt của Đảng đã phản ánh về đường hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Hai văn kiện trên là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: Từ việc phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam - một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam trong đó có công nhân, nông dân với đế quốc ngày càng gay gắt cần phải giải quyết, đi đến xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam được xác định là: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”. Cương lĩnh đã xác định: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

Về phương diện xã hội, Cương lĩnh xác định rõ: “a) Dân chúng được tự do tổ chức; b) Nam nữ bình quyền, v.v...; c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa”. Về phương diện kinh tế, Cương lĩnh xác định: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v...) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm tám giờ... Những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam về phương diện xã hội và phương diện kinh tế nêu trên vừa phản ánh đúng tình hình kinh tế, xã hội, cần được giải quyết ở Việt Nam, vừa thể hiện tính cách mạng, toàn diện, triệt để là xóa bỏ tận gốc ách thống trị, bóc lột hà khắc của ngoại bang, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, đặc biệt là giải phóng cho hai giai cấp công nhân và nông dân.

Xác định lực lượng cách mạng: phải đoàn kết công nhân, nông dân - đây là lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Do vậy, Đảng “phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình”, “phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày,... hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”. Đây là cơ sở của tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức yêu nước, cách mạng, trên cơ sở đánh giá đúng đắn thái độ các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam.

Về phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp “không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp”. Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, nhưng kiên quyết: “bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v...) thì phải đánh đổ”.

Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế, Cương lĩnh chỉ rõ trong khi thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cương lĩnh nêu rõ cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới:

Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”. “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng”.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh một cách súc tích các luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam; thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam lúc đó, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Từ đó, các văn kiện đã xác định đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

**4. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Đó là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của phong trào cách mạng trong cả nước, sự chuẩn bị tích cực, sáng tạo, bản lĩnh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ cách mạng tiên phong vì lợi ích của giai cấp và dân tộc.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó cũng là kết quả của sự phát triển cao và thống nhất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng*, “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một bản cương lĩnh chính trị phản ánh được quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đường lối đó là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách đúng đắn, sáng tạo và có phát triển trong điều kiện lịch sử mới.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam - con đường cách mạng vô sản. Đây là con đường duy nhất đúng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản phù hợp với nội dung và xu thế của thời đại mới được mở ra từ Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

**II. LÃNH ĐẠO QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**

**1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935**

*a) Phong trào cách mạng năm 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930)* Trong thời gian 1929-1933, khi Liên Xô đang đạt được những thành quả quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước, thì ở các nước tư bản chủ nghĩa diễn ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trên quy mô lớn với những hậu quả nặng nề, làm cho những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào cách mạng thế giới dâng cao.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ảnh hưởng lớn đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, đồng thời tiến hành một chiến dịch khủng bố trắng nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2/1930). Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng trở nên gay gắt.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam đã “lãnh đạo ngay một cuộc đấu tranh kịch liệt chống thực dân Pháp”.

Từ tháng 1 đến tháng 4/1930, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy... Phong trào đấu tranh của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh... Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và nhiều địa phương.

Từ tháng 5/1930, phong trào phát triển thành cao trào. Ngày 1/5/1930, nhân dân Việt Nam kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động với những hình thức đấu tranh phong phú. Riêng trong tháng 5/1930 đã nổ ra 16 cuộc bãi công của công nhân, 34 cuộc biểu tình của nông dân và 4 cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân thành thị. Từ tháng 6 đến tháng 8/1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh, nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy - Vinh (8/1930), đánh dấu “một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến”.

Ở vùng nông thôn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân. Tháng 9/1930, phong trào cách mạng phát triển đến đỉnh cao với những hình thức đấu tranh ngày càng quyết liệt. Cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên, ngày 12/9/1930, bị máy bay Pháp ném bom giết chết 171 người.

Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều nơi tan rã. Các tổ chức đảng lãnh đạo ban chấp hành nông hội ở thôn, xã đứng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn, thực hiện chuyên chính với kẻ thù, dân chủ với quần chúng nhân dân, làm chức năng, nhiệm vụ một chính quyền cách mạng dưới hình thức các ủy ban tự quản theo kiểu Xô viết.

Tháng 9/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi thông tri cho Xứ ủy Trung kỳ vạch rõ chủ trương bạo động riêng lẻ trong vài địa phương lúc đó là quá sớm vì chưa đủ điều kiện. Trách nhiệm của Đảng là phải tổ chức quần chúng chống khủng bố, giữ vững lực lượng cách mạng, “duy trì kiên cố ảnh hưởng của Đảng, của Xô viết trong quần chúng, để đến khi thất bại thì ý nghĩa Xô viết ăn sâu vào trong óc quần chúng và lực lượng của Đảng và nông hội vẫn duy trì”.

Chính quyền Xô viết ra đời cũng là lúc phong trào cách mạng lên tới đỉnh cao nhất. Từ cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung mọi lực lượng đàn áp khốc liệt, kết hợp thủ đoạn bạo lực với những thủ đoạn chính trị như cưỡng bức dân cày ra đầu thú, tổ chức rước cờ vàng, nhận thẻ quy thuận... Đầu 1931, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. Tháng 4/1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt, không còn lại một ủy viên nào. “Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết”.

Cao trào cách mạng 1930-1931 có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, đã “khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta; ở chỗ nó đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc vào giai cấp vô sản, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng vĩ đại của mình...”.

Phong trào cách mạng đã rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước. Đặc biệt, “Xô viết Nghệ An bị thất bại, nhưng đã có ảnh hưởng lớn. Tinh thần anh dũng của nó luôn luôn nồng nàn trong tâm hồn quần chúng, và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau”.

Cao trào cũng để lại cho Đảng những kinh nghiệm quý báu “về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang v.v...”.

*b) Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 10/1930*

Từ ngày 14 đến ngày 31/10/1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng tức Hồng Kông (Trung Quốc), quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Hội nghị thông qua Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương với các nội dung chính:

- Xác định mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.

- Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền”, “có tính chất thổ địa và phản đế”. Sau đó sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bổn mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”.

- Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải “tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tiền tư bổn và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để” và “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau: “... có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”. Luận cương nhấn mạnh: “Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền”, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

- Về lực lượng cách mạng: Giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh.

-Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương khẳng định: “Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường lối chánh trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”.

-Về phương pháp cách mạng, Luận cương nêu rõ phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “võ trang bạo động”. Đến lúc có tình thế cách mạng, “Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông”. Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Luận cương chính trị tháng 10/1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng, về cơ bản thống nhất với nội dung của Chính cương, sách lược vắn tắt của Hội nghị thành lập Đảng 2/1930. Tuy nhiên, Luận cương đã không nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất; không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai.

Nguyên nhân của những hạn chế đó là do nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh, nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản trong thời gian đó. Những hạn chế của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa hai nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất, cũng như trong việc tập hợp lực lượng cách mạng còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.

Ngày 18/11/1930 Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị Về vấn đề thành lập “ Hội phản đế đồng minh”, là tổ chức mặt trận đầu tiên để tập hợp, đoàn kết giai cấp, tầng lớp dân tộc, khẳng định vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

*c) Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất (3/1935).*

*- Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng*

Do bị tổn thất nặng nề, cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ. Tháng 1/1931, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Thông cáo về việc đế quốc Pháp buộc dân cày ra đầu thú, vạch rõ thủ đoạn của kẻ thù và đề ra các biện pháp hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Hội nghị Trung ương (3/1931) quyết định nhiều vấn đề thúc đẩy đấu tranh. Năm 1931, các đồng chí Trung ương bị địch bắt. Đồng chí Trần Phú bị địch bắt ngày 18/4/1931 tại Sài Gòn.

Trong khi thực dân Pháp khủng bố ngày càng dữ dội, tư tưởng hoang mang, dao động xuất hiện trong quần chúng và cả một số đảng viên, nhưng chỉ là số ít, “đa số đồng chí hết sức trung thành, hiến dâng cho Đảng đến giọt máu cuối cùng”.

Tháng 5/1931, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị nghiêm khắc phê phán chủ trương sai lầm về thanh Đảng của xứ ủy Trung kỳ và vạch ra phương hướng xây dựng Đảng, “làm cho Đảng Bônsơvích hóa để cách mạng hóa quần chúng, qua đó mà duy trì cơ sở, phát triển phong trào cách mạng, đồng thời qua thử thách đấu tranh mà vận động phát triển Đảng”.

Ngày 11/4/1931, Quốc tế Cộng sản ra Nghị quyết công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là chi bộ độc lập. Đó là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trong nhà tù đế quốc, các đảng viên của Đảng nêu cao khí tiết người cộng sản.

Nhiều chi bộ nhà tù tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho đảng viên về lý luận Mác-Lênin, đường lối chính trị của Đảng, kinh nghiệm vận động cách mạng; tổ chức học văn hóa, ngoại ngữ v.v... Nhiều tài liệu huấn luyện đảng viên được biên soạn ngay trong tù như: Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Gia đình và Tổ quốc, Lịch sử tóm tắt ba tổ chức quốc tế (chủ yếu là Quốc tế Cộng sản), Những vấn đề cơ bản của cách mạng Đông Dương. Một số tác phẩm của chủ nghĩa Mác-Lênin như Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tư bản, Làm gì?, Bệnh ấu trĩ “tả” khuynh trong phong trào cộng sản, Hai sách lược của Đảng xã hội dân chủ... được dịch tóm tắt ra tiếng Việt.

Các chi bộ đảng trong nhà tù còn ra báo bí mật để phục vụ việc học tập và đấu tranh tư tưởng. Ở nhà tù Hỏa Lò có các tờ báo Đuốc đưa đường và Con đường chính. Ở Côn Đảo có báo Người tù đỏ và tạp chí Ý kiến chung...

Ngày 6/6/1931, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh ở Hồng Kông bắt giam. Đầu năm 1934, sau khi ra tù, trở lại làm việc ở Quốc tế Cộng sản (Mátxcơva-Liên Xô).

Đầu năm 1932, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí công bố Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương và các chương trình hành động của Công hội, Nông hội, Thanh niên cộng sản đoàn...

Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương (15/6/1932) vạch ra nhiệm vụ đấu tranh trước mắt để khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng, đặc biệt cần phải “gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng đạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu”.

Khi Đảng và phong trào cách mạng còn gặp nhiều khó khăn, tháng 3/1933, đồng chí Hà Huy Tập (Hồng Thế Công) đã xuất bản Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương, bước đầu tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng, khẳng định công lao và sáng kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng.

Từ ngày 2 đến ngày 9/5/1933, Tòa án Đại hình Sài Gòn mở phiên tòa xét xử 120 chiến sĩ cộng sản và đày ra Côn Đảo, trong đó có các đồng chí Ngô Gia Tự, Nguyễn Chí Diểu, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp, Bùi Lâm.

Đầu năm 1934, theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập lãnh đạo, chỉ đạo phong trào trong nước như chức năng, trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương.

Đến đầu năm 1935, hệ thống tổ chức của Đảng được phục hồi. Đó là cơ sở để tiến tới Đại hội lần thứ nhất của Đảng.

*- Đại hội Đảng lần thứ nhất tháng 3- 1935.*

Tháng 3/1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đề ra ba nhiệm vụ trước mắt: 1. Củng cố và phát triển Đảng; 2. Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng; 3. Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô và ủng hộ cách mạng Trung Quốc... Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng và các nghị quyết về vận động quần chúng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản. Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3/1935) vẫn chưa đề ra một chủ trương chiến lược phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và tập hợp lực lượng toàn dân tộc.

Đại hội lần thứ nhất đánh dấu sự phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, tạo điều kiện để bước vào một cao trào cách mạng mới.

**2. Phong trào dân chủ 1936 -1939**

*a) Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng*

Để giải quyết những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 -1933, giai cấp tư sản ở một số nước như Đức, Italia, Tây Ban Nha... chủ trương dùng bạo lực đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và chuẩn bị phát động chiến tranh thế giới để chia lại thị trường. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và tạm thời thắng thế ở một số nơi. Nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Tháng (7/1935), Quốc tế Cộng sản họp Đại hội VII tại Mátxcơva (Liên Xô), xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh bảo vệ dân chủ và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ đó, giai cấp công nhân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ, lập mặt trận nhân dân rộng rãi. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản có Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Nọn. Tổng Bí thư Lê Hồng Phong được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Trong thời gian này, các đảng cộng sản ra sức phấn đấu lập mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít. Đặc biệt, Mặt trận nhân dân Pháp thành lập từ tháng 5/1935 do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, đã giành được thắng lợi vang dội trong cuộng tổng tuyển cử năm 1936, dẫn đến sự ra đời của Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp.

Ở Việt Nam, mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ nhằm thoát khỏi tình trạng ngột ngạt do khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố trắng do thực dân Pháp gây ra. Đảng Cộng sản Đông Dương đã phục hồi hệ thống tổ chức sau một thời gian đấu tranh cực kỳ gian khổ và tranh thủ cơ hội thuận lợi để xây dựng, phát triển tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng rộng rãi.

Ngày 26/7/1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), do đồng chí Lê Hồng Phong chủ trì, có Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên dự, “sửa chữa những sai lầm” trước đó và “định lại chính sách mới” dựa theo những nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản.

Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình; “lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ”.

Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp, kết hợp với bí mật, bất hợp pháp. Đồng chí Hà Huy Tập là Tổng Bí thư của Đảng từ tháng 8/1936 đến tháng 3/1938.

Các Hội nghị lần thứ ba (3/1937) và lần thứ tư (9/1937) Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3/1938 nhấn mạnh “lập Mặt trận dân chủ thống nhất là một nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại”.

Cùng với việc đề ra chủ trương cụ thể, trước mắt để lãnh đạo phong trào dân chủ 1936-1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và điền địa. Chỉ thị của Ban Trung ương Gửi các tổ chức của Đảng (26/7/1936) chỉ rõ, “ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp, có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào dân tộc”.

Trong văn kiện Chung quanh vấn đề chiến sách mới (tháng 10/1936), Đảng nêu quan điểm: “Cuộc dân tộc giải phóng không nhất thiết phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc”. Trung ương Đảng đã nêu cao tinh thần đấu tranh, thẳng thắn phê phán quan điểm chưa đúng và bước đầu khắc phục hạn chế trong Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10/1930. Đó cũng là nhận thức mới, phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng tại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930) và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.

*b) Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vận động dân chủ diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú.

Nắm cơ hội Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp quyết định trả tự do một số tù chính trị, thi hành một số cải cách xã hội cho lao động ở các thuộc địa Pháp và cử một ủy ban điều tra thuộc địa đến Đông Dương, Đảng phát động một phong trào đấu tranh công khai của quần chúng, mở đầu bằng cuộc vận động lập “Ủy ban trù bị Đông Dương đại hội” nhằm thu thập nguyện vọng quần chúng, tiến tới triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, quần chúng sôi nổi tổ chức các cuộc mít tinh, hội họp để tập hợp “dân nguyện”. Trong một thời gian ngắn, ở khắp các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, thành thị đến nông thôn đã lập ra các “Ủy ban hành động” để tập hợp quần chúng. Riêng ở Nam kỳ có 600 ủy ban hành động.

Đầu năm 1937, nhân dịp phái viên của chính phủ Pháp là Gôđa (Godart) đi kinh lý Đông Dương và Brêviê (Brévié) sang nhận chức toàn quyền Đông Dương, Đảng vận động hai cuộc biểu dương lực lượng quần chúng dưới danh nghĩa “đón rước”, mít tinh, biểu tình, đưa đơn “dân nguyện”.

Ngày 5/5/1937, Tổng Bí thư Hà Huy Tập với bút danh Thanh Hương xuất bản cuốn Tờrốtxky và phản cách mạng phê phán những luận điệu “tả” khuynh của các phần tử Tờrốtkít ở Việt Nam như Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường,... góp phần xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức.

Các báo chí tiếng Việt và tiếng Pháp của Đảng, Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra đời. Nhiều sách chính trị phổ thông được xuất bản để giới thiệu chủ nghĩa Mác-Lênin và chính sách mới của Đảng. Cuốn Vấn đề dân cày (1938) của Qua Ninh (Trường Chinh) và Vân Đình (Võ Nguyên Giáp) tố cáo tội ác của đế quốc và phong kiến đối với nông dân và làm rõ vai trò quan trọng của nông dân trong cách mạng. Cuốn Chủ nghĩa Mácxít phổ thông của Hải Triều được in và phát hành năm 1938. Ngoài ra còn một số cuốn sách giới thiệu về Liên Xô, cách mạng Trung Quốc, Mặt trận nhân dân Pháp và Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha.Theo sáng kiến của Đảng, Hội truyền bá quốc ngữ ra đời. Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh.

Hội nghị Trung ương Đảng (29 – 30/3/1938) quyết định lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp rộng rãi lực lượng, phát triển phong trào. Hội nghị bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư của Đảng.

Các hình thức tổ chức quần chúng phát triển rộng rãi, bao gồm các hội tương tế, hội ái hữu. Trong những năm 1937-1938, Mặt trận Dân chủ còn tổ chức các cuộc vận động tranh cử vào các Viện dân biểu Bắc kỳ, Trung kỳ, Hội đồng quản hạt Nam kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.

Năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ xuất bản cuốn sách *Tự chỉ trích* thẳng thắn chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm, nêu rõ những bài học cần thiết trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Đó là tác phẩm có ý nghĩa lý luận, thực tiễn về xây dựng Đảng, tự phê bình và phê bình để nâng cao năng lực lãnh đạo và bản chất cách mạng của Đảng.

Tháng 10/1938, Nguyễn Ái Quốc rời Mátcơva ( Liên Xô) trở lại Trung Quốc. Năm 1939, từ Trung Quốc, Người đã gửi nhiều thư cho Trung ương Đảng ở trong nước, truyền đạt quan điểm Quốc tế Cộng sản và góp nhiều ý kiến quan trọng về sự lãnh đạo của Đảng.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9/1939), thực dân Pháp đàn áp cách mạng, Đảng rút vào hoạt động bí mật. Cuộc vận động dân chủ kết thúc.

Qua cuộc vận động dân chủ, đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người được tập hợp, giác ngộ và rèn luyện. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng. Tổ chức Đảng được củng cố và phát triển. Đến tháng 4/1938, Đảng có 1.597 hội viên hoạt động bí mật và hơn 200 đảng viên hoạt động công khai. Số hội viên trong các tổ chức quần chúng công nhân, nông dân, phụ nữ, học sinh, cứu tế là 35.009 người.

Qua lãnh đạo phong trào giai đoạn 1936-1939, Đảng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm mới, đó là kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược: giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt; về xây dựng một mặt trận thống nhất rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất; về kết hợp các hình thức tổ chức bí mật và công khai để tập hợp quần chúng và các hình thức, phương pháp đấu tranh: tổ chức Đông Dương đại hội, đấu tranh nghị trường, trên mặt trận báo chí, đòi dân sinh, dân chủ, bãi công lớn của công nhân vùng mỏ (12/11/1936), kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5. Thực tiễn phong trào chỉ ra rằng: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng”.

Cuộc vận động dân chủ 1936 -1939 đã làm cho trận địa và lực lượng cách mạng được mở rộng ở cả nông thôn và thành thị, thực sự là một bước chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này.

c) Ý nghĩa của phong trào dân chủ

+ Cuộc vận động dân chủ kết thúc.

* Đó thực sự là một phong trào cách mạng sôi nổi,
* Có tính quần chúng rộng rãi
* Thực hiện mục tiêu trước mắt là chống phản động thuộc địa và tay sai,
* Đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình

+ Qua cuộc vận động dân chủ

- Đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người được tập hợp, giác ngộ và rèn luyện.

- Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng.

- Tổ chức Đảng được củng cố và phát triển

+ Đảng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm mới

* Giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt;
* Về xây dựng một mặt trận thống nhất rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị,
* Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất;
* Về kết hợp các hình thức tổ chức bí mật và công khai để tập hợp quần chúng và các hình thức, phương pháp đấu tranh

**3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945**

a) Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ Đalađiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa.

Tháng 6/1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ của Thủ tướng Pêtanh (Pétain) đầu hàng Đức. Sau khi chiếm một loạt nước châu Âu, tháng 6/1941 Đức tiến công Liên Xô.

Ở Đông Dương, bộ máy đàn áp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28/9/1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người...thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc. Tháng 9/1940, quân phiệt Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng” Pháp – Nhật.

Từ giữa năm 1941, tình hình trong nước và thế giới có nhiều biến chuyển. Tháng 12/1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Quân phiệt Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển và trong đất liền.

Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ, Đảng kịp thời rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, đồng thời vẫn chú trọng các đô thị. Ngày 29/9/1939, Trung ương Đảng gửi toàn Đảng một thông báo quan trọng chỉ rõ: “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11/1939) tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) phân tích tình hình và chỉ rõ: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”. Hội nghị nhấn mạnh “chiến lược cách mệnh tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới”. “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”. Khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” phải tạm gác và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, tập hợp tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 đã đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử, đưa nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

Ngày 17/1/1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt. Nhiều đồng chí Trung ương cũng sa vào tay giặc.

Tháng 11/1940, hơn một tháng sau khi Nhật vào Đông Dương, Hội nghị cán bộ Trung ương họp, lập lại Ban Chấp hành Trung ương và nhận định: “Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước, cái làm sau”. “Mặc dù lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế - cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết dụng hơn song nếu không làm được cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công. Tình thế hiện tại không thay đổi gì tính chất cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương”. Trung ương Đảng vẫn còn trăn trở, chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra tại Hội nghị tháng 11/1939.

Ngày 28/1/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và dừng chân ở Cao Bằng. Tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị khẳng định “Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, lập Mặt trận Việt Minh, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất”. Trung ương bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư. Hội nghị Trung ương nêu rõ những nội dung quan trọng:

Thứ nhất, hết sức nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp - Nhật, bởi vì dưới hai tầng áp bức Nhật - Pháp, “quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”

Thứ hai, khẳng định dứt khoát chủ trương “phải thay đổi chiến lược” và giải thích: “Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”. Trung ương Đảng khẳng định: “Chưa chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc”. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

Thứ ba, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ “tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý”. “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”. Từ quan điểm đó, Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung.

Thứ tư, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, “không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc”. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc”.

Thứ năm, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo tinh thần tân dân chủ, một hình thức nhà nước “của chung cả toàn thể dân tộc”.

Thứ sáu, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân; “phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù”. Trong những hoàn cảnh nhất định thì “với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”. Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị tháng 11/1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

*b) Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang*

Ngày 27/9/1940, nhân khi quân Pháp ở Lạng Sơn bị Nhật tiến đánh phải rút chạy qua đường Bắc Sơn - Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương nổi dậy khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Khởi nghĩa Bắc Sơn là bước phát triển của đấu tranh vũ trang vì mục tiêu giành độc lập.

Ở Nam kỳ, phong trào cách mạng của quần chúng lan rộng ở nhiều nơi. Theo chủ trương của Xứ ủy Nam kỳ, một kế hoạch khởi nghĩa vũ trang được gấp rút chuẩn bị. Tháng 11/1940, Hội nghị cán bộ Trung ương họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) quyết định duy trì và củng cố lực lượng vũ trang ở Bắc Sơn và đình chỉ chủ trương phát động khởi nghĩa ở Nam kỳ. Tuy nhiên, chủ trương hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam kỳ chưa được triển khai thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đêm ngày 23/11/1940. Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bốt và tiến công nhiều quận lỵ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở một số địa phương và ban bố các quyền tự do dân chủ, mở các phiên tòa để xét xử phản cách mạng... Cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp đàn áp khốc liệt, làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề, phong trào cách mạng Nam kỳ gặp khó khăn trong nhiều năm sau.

Ngày 13/1/1941, một cuộc binh biến nổ ra ở đồn Chợ Rạng (huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) do Đội Cung chỉ huy, nhưng cũng bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng.

Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam kỳ và binh biến Đô Lương là “những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”.

Sau Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5/1941), Nguyễn Ái Quốc gửi thư (6/6/1941) kêu gọi đồng bào cả nước: “Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”.

Pháp - Nhật ngày càng tăng cường đàn áp cách mạng Việt Nam. Ngày 26/8/1941, thực dân Pháp xử bắn Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai tại Hóc Môn, Gia Định. Lê Hồng Phong hy sinh trong nhà tù Côn Đảo (6/9/1942). Tháng 8/1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh trên đường đi công tác ở Trung Quốc cũng bị quân Trung Hoa Dân quốc bắt giữ hơn một năm (từ tháng 8/1942 đến tháng 9/1943). Trước quân thù tàn bạo, các chiến sĩ cộng sản đã nêu cao ý chí kiên cường bất khuất và giữ vững niềm tin vào thắng lợi tất yếu của cách mạng.

Ngày 25/10/1941, Việt Minh công bố Tuyên ngôn, nêu rõ: “Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời”. Chương trình Việt Minh đáp ứng nguyện vọng cứu nước của mọi giới đồng bào, nên phong trào Việt Minh phát triển rất mạnh, mặc dù bị kẻ thù khủng bố gắt gao. Việt minh là mặt trận đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, là nơi tập hợp, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị rộng lớn, một lực lượng cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong tổng khởi nghĩa giành chính quyền sau này.

Đảng tích cực chăm lo xây dựng đảng và củng cố tổ chức, mở nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày, đào tạo cán bộ về chính trị, quân sự, binh vận. Nhiều cán bộ, đảng viên trong các nhà tù Sơn La, Chợ Chu, Buôn Ma Thuột... vượt ngục về địa phương tham gia lãnh đạo phong trào.

Tháng 2/1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) nay thuộc Hà Nội, đề ra những biện pháp cụ thể nhằm phát triển phong trào quần chúng rộng rãi và đều khắp nhằm chuẩn bị điều kiện cho cuộc khởi nghĩa trong tương lai có thể nổ ra ở những trung tâm đầu não của quân thù.

Đảng và Việt Minh cho xuất bản nhiều tờ báo: Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiềng, Cứu quốc, Việt Nam độc lập, Bãi Sậy, Đuổi giặc nước, Tiền phong, Kèn gọi lính, Quân giải phóng, Kháng địch, Độc lập, v.v... Trong các nhà tù đế quốc, những chiến sĩ cách mạng cũng sử dụng báo chí làm vũ khí đấu tranh, ra các tờ báo Suối reo (Sơn La), Bình Minh (Hòa Bình), Thông reo (Chợ Chu), Dòng sông Công (Bá Vân)...

Năm 1943, Đảng công bố bản Đề cương về văn hóa Việt Nam, xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng, chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng. Cuối năm 1944, Hội Văn hóa Cứu quốc Việt Nam ra đời, thu hút trí thức và các nhà hoạt động văn hóa vào mặt trận đấu tranh giành độc lập, tự do.

Đảng vận động và giúp đỡ một số sinh viên, trí thức yêu nước thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam (6/1944). Đảng này tham gia Mặt trận Việt Minh và tích cực hoạt động, góp phần mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc.

Đảng cũng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt và người Pháp. Từ Trung ương đến các địa phương đều có ban binh vận.

Cùng với việc đẩy mạnh xây dựng lực lượng chính trị, Đảng chú trọng chuẩn bị lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đội du kích Bắc Sơn được duy trì và phát triển thành Cứu quốc quân. Sau 8 tháng hoạt động gian khổ, một bộ phận Cứu quốc quân vượt khỏi vòng vây của quân Pháp, rút lên biên giới phía Bắc, nhưng giữa đường đi bị phục kích và tổn thất nặng. Bộ phận Cứu quốc quân còn lại đã phân tán lực lượng hoạt động tại chỗ, phát triển cơ sở chính trị.

Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập một đội vũ trang ở Cao Bằng để thúc đẩy phát triển cơ sở chính trị và chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang. Tháng 12/1941, Trung ương ra thông cáo Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng, chỉ rõ các đảng bộ địa phương cần phải vận động nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính, bắt phu, chống cướp đoạt tài sản của nhân dân, đòi tăng lương, bớt giờ làm cho công nhân, củng cố và mở rộng các đội tự vệ cứu quốc, thành lập các tiểu tổ du kích để tiến lên thành lập đội du kích chính thức, mở rộng cơ sở quần chúng và lực lượng vũ trang ở các khu du kích... tiến lên phát động khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ.

Ở Bắc Sơn - Võ Nhai, Cứu quốc quân tiến hành tuyên truyền vũ trang, gây cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ ra nhiều huyện thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên... Từ Cao Bằng, khu căn cứ được mở rộng sang các tỉnh Hà Giang, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Các đoàn xung phong Nam tiến đẩy mạnh hoạt động, mở một hành lang chính trị nối liền hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn - Vũ Nhai (cuối năm 1943). Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị Sửa soạn khởi nghĩa. Không khí chuẩn bị cho khởi nghĩa sôi nổi trong khu căn cứ.

Tháng 10/1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, thông báo chủ trương của Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Bức thư nêu rõ: “Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!”.

Cuối năm 1944, ở Cao - Bắc - Lạng, cấp ủy địa phương gấp rút chuẩn bị phát động chiến tranh du kích trong phạm vi ba tỉnh. Lúc đó, Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở lại Cao Bằng, kịp thời quyết định đình chỉ phát động chiến tranh du kích trên quy mô rộng lớn vì chưa đủ điều kiện. Tiếp đó, Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, xác định nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động và phương châm tác chiến của lực lượng vũ trang. Bản Chỉ thị này có giá trị như một cương lĩnh quân sự tóm tắt của Đảng.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời ở Cao Bằng. Ba ngày sau, đội đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phai Khắt (25/12/1944) và Nà Ngần (26/12/1944). Đội đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao - Bắc - Lạng.

Ngày 24/12/1944, Đoàn của Tổng bộ Việt Minh do Hoàng Quốc Việt dẫn đầu sang Trung Quốc liên lạc với các nước Đồng Minh để phối hợp chống Nhật. Tháng 2/1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh sang Trung Quốc tranh thủ giúp đỡ của Đồng minh chống phát xít Nhật.

*c) Cao trào kháng Nhật cứu nước*

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến về phía Berlin (Đức). Ở Tây Âu, Anh-Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp (2/1945) rồi tiến về phía Tây nước Đức. Nước Pháp được giải phóng, chính phủ Đờ Gôn về Pari.

Ở mặt trận Thái Bình Dương, quân Anh đánh vào Miến Điện nay là Myanmar. Quân Mỹ đổ bộ lên Philippin. Đường biển đến các căn cứ ở Đông Nam Á bị quân Đồng minh khống chế, nên Nhật phải giữ con đường duy nhất từ Mãn Châu qua Đông Dương xuống Đông Nam Á. Thực dân Pháp theo phái Đờ Gôn ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị, chờ quân Đồng minh vào Đông Dương đánh Nhật thì sẽ khôi phục lại quyền thống trị của Pháp. “Cả hai quân thù Nhật - Pháp đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mày chết, quyết liệt cùng nhau”.

Với sự chuẩn bị từ trước, ngày 9/3/1945, Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương. Pháp chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một loạt chính sách nhằm củng cố quyền thống trị. Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim được Nhật dựng ra với cái bánh vẽ “độc lập” để phục vụ cho nền thống trị của chủ nghĩa phát xít.

Dự đoán đúng tình hình, ngay trước lúc Nhật nổ súng lật đổ Pháp, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) để phân tích tình hình và đề ra chủ trương chiến lược mới. Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta, chỉ rõ bản chất hành động của Nhật ngày 9/3/1945 là một cuộc đảo chính tranh giành lợi ích giữa Nhật và Pháp; xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phát xít Nhật; thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”, nêu khẩu hiệu “thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương” để chống lại chính phủ thân Nhật.

Chỉ thị quyết định phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, đồng thời sẵn sàng chuyển lên tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện. Bản chỉ thị ngày 12/3/1945 thể hiện sự lãnh đạo kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Việt Minh, từ giữa tháng 3/1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần nổ ra ở vùng thượng du và Trung du Bắc kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang... Khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi) thắng lợi, đội du kích Ba Tơ được thành lập và xây dựng căn cứ Ba Tơ.

Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức Ủy ban giải phóng Việt Nam.

Ngày 15/5/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ tại Hiệp Hòa (Bắc Giang). Hội nghị chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, phát triển lực lượng bán vũ trang và xây dựng bảy chiến khu trong cả nước.

Tháng 5/1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang), chỉ thị gấp rút chuẩn bị đại hội quốc dân, thành lập “khu giải phóng”. Ngày 4/6/1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập và thi hành các chính sách của Việt Minh. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước. Nhiều chiến khu mới được xây dựng như chiến khu Vần-Hiền Lương ở vùng giáp giới hai tỉnh Hòa-Ninh-Thanh (ở phía Tây ba tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa), chiến khu Vĩnh Tuy và Đầu Rái (Quảng Ngãi)...

Trong các đô thị, nhất là những thành phố lớn, các đội danh dự Việt Minh đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, tạo điều kiện phát triển các tổ chức cứu quốc trong các tầng lớp nhân dân thành thị và xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc.

Ở các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ, khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã “thổi bùng ngọn lửa căm thù trong đông đảo nhân dân và phát động quần chúng vùng dậy với khí thế cách mạng hừng hực tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền”. Tại nhiều địa phương, quần chúng tự vũ trang, xung đột với binh lính và chính quyền Nhật, biến thành những cuộc khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ.

Báo chí cách mạng của Đảng và mặt trận Việt Minh đều ra công khai, gây ảnh hưởng chính trị vang dội.

Từ nhiều lao tù thực dân, những chiến sĩ cộng sản vượt ngục ra ngoài hoạt động, bổ sung thêm đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng.

Cao trào kháng Nhật, cứu nước không những động viên được đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức... mà còn lôi kéo cả tư sản dân tộc và một số địa chủ nhỏ tham gia hoạt động cách mạng. Binh lính, cảnh sát của chính quyền thân Nhật dao động, một số ngả theo cách mạng. Nhiều lý trưởng, chánh, phó tổng, tri phủ, tri huyện và cả một số tỉnh trưởng cũng tìm cách liên lạc với Việt Minh... Bộ máy chính quyền Nhật nhiều nơi tê liệt. Không khí sửa soạn khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

Cao trào kháng Nhật, cứu nước là một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện. Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

*d) Tổng khởi nghĩa giành chính quyền*

Giữa tháng 8/1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Sau khi phát xít Đức đầu hàng Đồng minh, Liên Xô tuyên chiến với Nhật, đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống các thành phố Hirôsima (6/8/1945) và Nagazaki (9/8/1945). Chính phủ Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần. Chính quyền do Nhật dựng lên hoang mang cực độ. Thời cơ cách mạng xuất hiện.

Tuy nhiên, một nguy cơ mới đang dần đến. Theo quyết định của Hội nghị Pốtxđam (7/1945), quân đội Trung Hoa dân quốc vào Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra và quân đội của Liên hiệp Anh từ vĩ tuyến 16 trở vào để giải giáp quân đội Nhật. Pháp toan tính, với sự trợ giúp của Anh, sẽ trở lại xâm lược Việt Nam, trước mắt là phục hồi bộ máy cai trị cũ ở Nam bộ và Nam Trung bộ. Trong khi đó, những thế lực chống cách mạng ở trong nước cũng tìm cách đối phó. Một số người trong Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim quay sang tìm kiếm sự trợ giúp của một số cường quốc, với hy vọng giữ chế độ quân chủ.

Từ chỗ hợp tác với Việt Minh chống quân phiệt Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Chính phủ Mỹ không ngần ngại quay lưng lại phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Tại Hội nghị Ianta (2/1945), Tổng thống Mỹ Rooseveld hoàn toàn “nhất trí với đề nghị chỉ để các thuộc địa dưới quyền ủy trị nếu “mẫu quốc” đồng ý”. “Mẫu quốc” của Đông Dương không ai khác là nước Pháp. Từ đó, Mỹ ngày càng nghiêng về phía Pháp, ủng hộ Pháp trở lại xâm lược Đông Dương, nhất là sau khi Rooseveld qua đời (12/4/1945) và Harry Truman bước vào Nhà Trắng. Mùa hè năm 1945, Mỹ cam kết với Charles De Gaulle rằng sẽ không cản trở việc Pháp phục hồi chủ quyền ở Đông Dương. Cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam sẽ bị xếp vào “hoạt động phiến loạn do cộng sản cầm đầu”. Trong tình hình ấy, “ai biết dòng chảy của lịch sử sẽ đi về đâu, với tốc độ nào?”.

Thời cơ giành chính quyền chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, vào khoảng nửa cuối tháng 8/1945.

Trong tình hình trên, vấn đề giành chính quyền được đặt ra như một cuộc chạy đua nước rút với quân Đồng minh mà Đảng và nhân dân Việt Nam không thể chậm trễ, không chỉ để tranh thủ thời cơ, mà còn phải khắc phục nguy cơ, đưa cách mạng đến thành công.

Ngày 12/8/1945, Ủy ban lâm thời khu giải phóng hạ lệnh khởi nghĩa trong khu. Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, Ủy ba Khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, phát đi lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Ngày 14 và 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, do lãnh tụ Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì, tập trung phân tích tình hình và dự đoán: “Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương”. Hội nghị quyết định phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân! Hội nghị xác định ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa là tập trung, thống nhất và kịp thời.

Phương hướng hành động trong tổng khởi nghĩa: phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh. Phải chộp lấy những căn cứ chính (cả ở các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào, thành lập ủy ban nhân dân ở những nơi đã giành được quyền làm chủ... Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại cần thi hành sau khi giành được chính quyền.

Tiếp sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, ngày 16/8/1945, Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào. Về dự đại hội có khoảng 60 đại biểu của các giới, các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, các dân tộc, tôn giáo trong nước và đại biểu kiều bào ở nước ngoài. Đại hội tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước nhất tề vùng dậy ở cả thành thị và nông thôn, với ý chí dù có hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập.

Từ ngày 14 đến ngày 18/8/1945, tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa, nhưng do nắm vững tinh thần các nghị quyết, chỉ thị trước đó của Đảng, căn cứ vào tình hình thực tiễn, đảng bộ nhiều địa phương đã kịp thời, chủ động, lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất là Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Từ ngày 14/8/1945 trở đi, các đơn vị Giải phóng quân lần lượt tiến công các đồn binh Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái v.v... hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Ngày 16/8/1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. Từ ngày 14 đến ngày 18/8, ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện.

Tại Hà Nội, ngày 17/8, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim. Đảng bộ Hà Nội bí mật huy động quần chúng trong các tổ chức cứu quốc ở nội và ngoại thành biến cuộc mít tinh đó thành cuộc mít tinh ủng hộ Việt Minh. Các đội viên tuyên truyền xung phong bất ngờ giương cao cờ đỏ sao vàng, kêu gọi nhân dân tham gia khởi nghĩa. Hàng vạn quần chúng dự mít tinh nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Minh. Lính bảo an, cảnh sát của chính quyền Nhật có nhiệm vụ bảo vệ cuộc mít tinh cũng ngả theo Việt Minh. Cuộc mít tinh biến thành một cuộc biểu tình tuần hành, có cờ đỏ sao vàng dẫn đầu, rầm rộ diễu qua các phố đông người, tiến đến trước phủ toàn quyền cũ, nơi tư lệnh quân Nhật đóng, rồi chia thành từng toán, đi cổ động chương trình Việt Minh khắp các phố.

Sau cuộc biểu dương lực lượng, Thành ủy Hà Nội nhận định đã có đủ điều kiện để phát động tổng khởi nghĩa.

Sáng ngày 19/8, Thủ đô Hà Nội tràn ngập cờ đỏ sao vàng. Quần chúng cách mạng xuống đường tập hợp thành đội ngũ, rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố trong tiếng hát “Tiến quân ca” và cờ đỏ sao vàng để dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh. Cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình vũ trang. Quần chúng cách mạng chia thành nhiều đoàn đi chiếm Phủ Khâm sai, Tòa Thị chính, Trại Bảo an binh, Sở Cảnh sát và các công sở của chính quyền thân Nhật. Trước khí thế và sức mạnh áp đảo của quần chúng, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội ảnh hưởng nhanh chóng đến nhiều tỉnh và thành phố khác, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cả nước, làm cho chính quyền tay sai của Nhật ở nhiều nơi thêm hoảng hốt, tạo đoàn kết thuận lợi lớn cho quá trình tổng khởi nghĩa.

Ngày 23/8, Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên - Huế huy động quần chúng từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với nhân dân trong nội thành Huế xuống đường biểu dương lực lượng. Bộ máy chính quyền và quân đội Nhật hoàn toàn tê liệt. Quần chúng lần lượt chiếm các công sở không vấp phải sức kháng cự nào.

Ở Nam kỳ, được tin Hà Nội và Tân An (tỉnh khởi nghĩa thí điểm của Xứ ủy) đã giành được chính quyền, Xứ uy Nam kỳ quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh. Đêm 24/8, các lực lượng khởi nghĩa với gậy tầm vông, giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25/8, hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Những cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và các đô thị đập tan các cơ quan đầu não của kẻ thù có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong cả nước.

Ngày 25/8/1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Sáng ngày 26/8/1945, Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp của Thường vụ Trung ương Đảng, thống nhất những chủ trương đối nội và đối ngoại trong tình hình mới; đề nghị mở rộng hơn nữa thành phần của Chính phủ lâm thời, chuẩn bị ra Tuyên ngôn Độc lập, và tổ chức mít tinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân, cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập chế độ dân chủ cộng hòa. Hồ Chí Minh nhấn mạnh những việc cần làm trước khi quân Trung Hoa dân quốc vào Đông Dương.

Trong cuộc họp ngày 27/8/1945, Ủy ban Dân tộc Giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Danh sách Chính phủ lâm thời được chính thức công bố ngày 28/8/1945 tại Hà Nội. Một số thành viên là người của mặt trận Việt Minh tự nguyện rút khỏi Chính phủ, trong đó có Tổng Bí thư Trường Chinh, để mời thêm nhân sĩ ngoài Việt Minh tham gia. “Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân”.

Ngày 30/8/1945, tại cuộc mít tinh gồm hàng vạn người tham gia ở Ngọ Môn, thành phố Huế, Bảo Đại thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong Tuyên cáo của Hoàng đế Việt Nam thoái vị, Bảo Đại nói, “sau hai mươi năm ngai vàng bệ ngọc đã biết bao ngậm đắng nuốt cay, từ nay... lấy làm vui được làm dân tự do của một nước độc lập”.

Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời hoàn toàn ý thức được phải khẩn trương làm tất cả mọi việc có thể để xác lập vị thế người chủ đất nước của nhân dân Việt Nam trước khi những người mang danh “Đồng minh” kịp đặt chân đến và kịp thực thi những ý tưởng riêng của họ.

Trong tình hình hết sức khẩn trương, Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định sớm tổ chức lễ Tuyên bố độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mọi công việc chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Tại một căn phòng trên gác nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội, Hồ Chí Minh đã thực hiện trách nhiệm lịch sử trọng đại, giữa bộn về công việc, nhưng đã tập trung trí tuệ và tình cảm, soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam mới. Để phát huy trí tuệ tập thể, ngày 30/8/1945, Hồ Chí Minh mời một số cán bộ trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng và các vị bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời đến trao đổi, góp ý kiến cho bản dự thảo Tuyên ngôn Độc lập.

Ngày 2/9/1945, Lễ độc lập được tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, trịnh trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Bản Tuyên ngôn nêu rõ:

“Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do.

Cách mạng tháng Tám nổ ra trong hoàn cảnh khách quan rất thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam là phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu, chính quyền thân Nhật rệu rã, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đó là kết quả và đỉnh cao của 15 năm đấu tranh của toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là cao trào vận động giải phóng dân tộc 1939-1945.

Đảng Cộng sản Đông Dương là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng. Đảng có đường lối chính trị đúng đắn, phương pháp cách mạng sáng tạo, dày dạn kinh nghiệm đấu tranh, bắt rễ sâu trong quần chúng, đoàn kết và thống nhất, quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

**4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945**

*a) Tính chất*

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là “một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính chất dân chủ mới. Nó là một bộ phận khăng khít của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam”. “ Cách mạng Tháng Tám Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Mục đích của nó là làm cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách đế quốc, làm cho nước Việt Nam thành một nước độc lập, tự do”

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình, thể hiện:

*Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc*, tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai; đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử và ý chí, nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân.

*Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc*, đoàn kết chặt chẽ trong mặt trận Việt Minh với những tổ chức quần chúng mang tên “cứu quốc”, động viên đến mức cao nhất mọi lực lượng dân tộc lên trận địa cách mạng. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc.

*Thành lập chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc”* theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hòa dân chủ, chỉ trừ tay sai của đế quốc và những kẻ phản quốc, “còn ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam đều thảy được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy".

Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một bộ phận của phe dân chủ chống phát xít. “Nó chống lại phát xít Nhật và bọn tay sai phản động, và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống phát xít xâm lược”.

Cách mạng đã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân, lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc. Do Cách mạng tháng Tám, một phần ruộng đất của đế quốc và Việt gian đã bị tịch thu, địa tô được tuyên bố giảm 25%, một số nợ lưu cữu được xóa bỏ.

Cuộc cách mạng đã xây dựng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, xóa bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

Cách mạng tháng Tám chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng, chưa xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, chưa xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến để cho công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa địa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ. Chính vì thế Cách mạng tháng Tám có tính chất dân chủ, nhưng tính chất đó chưa được đầy đủ và sâu sắc.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng mang đậm tính nhân văn, hoàn thành một bước hết sức cơ bản trong sự nghiệp giải phóng con người ở Việt Nam khỏi mọi sự áp bức về mặt dân tộc, sự bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về mặt tinh thần.

*b) Ý nghĩa*

Khẳng định ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng *mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc*”.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, giải quyết thành công vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ bước lên địa vị người chủ đất nước, có quyền quyết định vận mệnh của mình.

Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật trở thành một đảng cầm quyền. Từ đây, Đảng và nhân dân Việt Nam có chính quyền nhà nước cách mạng làm công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, đã đột phá một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám không chỉ là chiến công của dân tộc Việt Nam mà còn là chiến công chung của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập tự do, vì thế nó có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Cách mạng tháng Tám là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh. Nó chứng tỏ rằng: một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa trước khi giai cấp công nhân ở “chính quốc” lên nắm chính quyền.

Cách mạng tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc.

*c) Bài học kinh nghiệm*

Cách mạng tháng Tám thành công để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều kinh nghiệm quý báu.

Thứ nhất, *về chỉ đạo chiến lược*: phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

Thứ hai, *về xây dựng lực lượng*: Trên cơ sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Theo cách dùng từ của V.I.Lênin trong tác phẩm Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết, thì đó chính là một “lò lửa khởi nghĩa dân tộc”.

Thứ ba, *về phương pháp cách mạng*: Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở những vùng nông thôn có điều kiện, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, giành chính quyền toàn quốc.

Thư tư, *về xây dựng Đảng*: Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đạo đức, một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

Chú trọng vai trò lãnh đạo ở cấp chiến lược của Trung ương Đảng, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của đảng bộ các địa phương.

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hóa của dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khi ra đời, dù phải trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, luôn được xây dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

**Chương 2**

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC**

**(1945-1975)**

**I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)**

*1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)*

***a. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945***

***\* Về thuận lợi:***

+ Thế giới : hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu được hình thành. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh dâng cao.

+ Trong nước: Việt Nam trở thành quốc gia độc lập, tự do; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, bị áp bức trở thành chủ nhân của chế độ dân chủ mới. Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước.

***\* Về khó khăn :***

*-* Trên thế giới phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới “chia lại hệ thống thuộc địa thế giới”, ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng thế giới*.*

- Tình hình kinh tế- chính trị - xã hội: Hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu kinh nghiệm quản lý; kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị hoang hóa, 50% ruộng đất bị bỏ hoang, nạn đối đầu năm 1945 chưa qua, nguy cơ một nạn đối mới đang ập đến, đe doa đời sống nhân dân; nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng, 95% dân số thất học, mù chữ, tệ nạn xã hội diễn ra phổ biến.

*-* Về thù trong giặc ngoài: Ở phía Nam, Quân đội Anh đã mở đường cho thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta lần thứ hai

Ở Bắc vĩ tuyến 16, 20 vạn quân Tưởng kéo vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ. Đồng thời, trên đất nước Việt Nam vẫn còn 6 vạn quân đội Nhật Hoàng thua trận chưa được giải giáp.

Tình hình đó đã đặt nền độc lập và chính quyền cách mạng non trẻ của Việt Nam trước tình thế “như ngàn cân treo sợi tóc”, cùng một lúc phải đối phó với nạn đói, nạn dốt và bọn thù trong, giặc ngoài.

***b. Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng***

Ngày 3/9/1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay nhiệm vụ lớn trước mắt là: diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm

Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra *Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc*, nhận định tình hình và định hướng con đường đi lên của cách mạng Việt Nam sau khi giành được chính quyền.

Chỉ thị phân tích sâu sắc sự biến đổi của tình hình thế giới và trong nước, xác định rõ: “kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”; nêu rõ mục tiêu vẫn là “dân tộc giải phóng” và đề ra khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”; mọi hành động phải tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt “là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”.

Chỉ thị cũng đề ra nhiều biện pháp cụ thể giải quyết những khó khăn, phức tạp hiện thời của cách mạng Việt Nam, trong đó nêu rõ cần nhanh chóng xúc tiến bầu cử Quốc hội để đi đến thành lập Chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp, động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; kiên định nguyên tắc độc lập về chính trị; đối với Tưởng nêu chủ trương “Hoa-Việt thân thiện”, đối với Pháp “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”.

Những quan điểm và chủ trương, biện pháp lớn được Đảng nêu ra trong bản Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc đã đáp ứng đúng yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ và đạt đuợc kết quả to lớn

-Về kinh tế: Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách. Đảng đã vận động nhân dân thục hiện : tăng gia sản xuất, lập hũ gạo tiết kiệm, tổ chức Tuần lễ vàng, .v.v. thực hiện chính sách giảm tô 25%. Sản xuất lương thực tăng lên rõ rệt, cả về diện tích và sản lượng hoa màu. Đầu năm 1946, nạn đói cơ bản được đẩy lùi. Ngân khố quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam.

- Về văn hoá – xã hội: Chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng. Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương phát động phong trào “Bình dân học vụ”; vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ. Đến cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

- Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng: Đảng chủ trương tiến hành tổng tuyển cử theo lối phổ thông đầu phiếu. theo đó, Ngày 6-1-1946, cả nước tham gia cuộc bầu cử và có hơn 89% số cử tri đã đi bỏ phiếu và bầu ra 333 đại biểu. Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên tại Nhà hát lớn Hà Nội vào ngày 2-3-1946 và lập ra Chính phủ chính thức, gồm 10 bộ. Chính phủ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Các địa phương cũng tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn Ủy ban hành chính các cấp. Tháng 11-1946, Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp năm 1946). Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được mở rộng. Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập. Cuối năm 1946, Việt Nam có hơn 8 vạn bộ đội chính quy, lực lượng công an được tổ chức đến cấp huyện, hàng vạn dân quân, tự vệ được tổ chức ở cơ sở từ Bắc chí Nam...

***c. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ***

Đêm 22 rạng ngày 23-9-1945, quân đội Pháp đã nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Nam Bộ). Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Nam Bộ bắt đầu. Ngày 25-10-1945, Hội nghị cán bộ Đảng bộ Nam Bộ đã họp tại Thiên Hộ, Cái Bè (Mỹ Tho) quyết định những biện pháp cấp bách củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang bí mật trong nội đô; tổ chức và phát động toàn dân kháng chiến, kiên quyết đẩy lùi cuộc tấn quân của quân Pháp, ngăn chặn bước tiến của chúng...

Chính phủ, Hồ Chí Minh và nhân dân miền Bắc nhanh chóng hưởng ứng và kịp thời chi viện, chia lửa với đồng bào Nam Bộ kháng chiến.

Trong những ngày đầu, so sánh lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên đã tổ chức lại lực lượng, củng cố các khu căn cứ và lực lượng vũ trang, động viên nhân tài, vật lực của toàn dân đứng lên ngăn chặn bước tiến của thực dân Pháp; tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài sau này.

Đối với quân Tưởng, Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện sách lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc” đề ra nhiều đối sách khôn khéo như: Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật bằng việc ra “Thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý tự giải tán, ngày 11-11-1945”, chỉ để lại một bộ phận hoạt động công khai với danh nghĩa “Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương” ; Chính phủ Việt Nam đồng ý việc đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân đội Tưởng , được sử dụng đồng tiền Quan kim, Quốc tệ, nhượng 70 ghế trong Quốc hội khôn thông qua bầu cử.

Đầu năm 1946, phe đế quốc đã dàn xếp, thỏa thuận để Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa dân quốc ký kết bản Hiệp ước Trùng Khánh (còn gọi là Hiệp ước Hoa-Pháp, ngày 28-2-1946), trong đó có nội dung thỏa thuận để Pháp đưa quân đội ra Bắc thay thế cho quân Tưởng. Chính phủ và nhân dân Việt Nam đứng trước một tình thế vô cùng nguy hiểm, phải cùng lúc đối mặt trực tiếp với hai kẻ thù xâm lược to lớn là Pháp và Tưởng, trong khi thực lực cách mạng vẫn còn non kém.

Trước sự thay đổi nhanh chóng, phức tạp của tình hình, Thường vụ Trung ương Đảng, Hồ Chí Minh chủ trương tạm thời “dàn hòa với Pháp”, nhân nhượng về lợi ích kinh tế, nhưng đòi Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của Việt Nam, đẩy nhanh quân Tưởng về nước, bớt đi một kẻ thù nguy hiểm. Ngày 6-3-1946, tại Hà Nội, Ta đã kí với Pháp bản Hiệp định sơ bộ. Hiệp định sơ bộ nêu rõ: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp; về phía Việt Nam đồng ý để 15.000 quân đội Pháp ra miền Bắc thay thế cho quân Tưởng và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm; hai bên sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán chính thức để giải quyết mối quan hệ Việt-Pháp...

Ngay sau khi ký Hiệp định sơ bộ, ngày 9-3-1946, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra ngay bản Chỉ thị Hòa để tiến, phân tích, đánh giá chủ trương hòa hoãn và khả năng phát triển của tình hình.

Từ ngày 19-4 đến ngày 10-5-1946, Việt Nam và Pháp gặp nhau tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Từ ngày 31-5-1946, theo lời mời của Quốc hội và Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn của Chính phủ Việt Nam thăm chính thức nước Cộng hòa Pháp. Cũng trong thời gian này, phái đoàn Quốc hội Việt Nam do ông Phạm Văn Đồng dẫn sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau, (Phôngtenơblô, Paris-Pháp) từ ngày 6-7 đến ngày 10-9-1946, song không thành công vì vấp phải lập trường hiếu chiến và dã tâm xâm lược của thực dân Pháp. Với thiện chí hữu nghị, hòa bình, nhân nhượng và để đảm bảo an toàn cho phái đoàn đại biểu Việt Nam rời Pháp, ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Pháp một bản *Tạm ước 14-9* đồng ý nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam; hai bên cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán...

Ở trong nước, bọn tay sai phản động Đại Việt - Quốc dân đảng, ráo riết chuẩn bị một âm mưu thâm độc đảo chính lật đổ Chính phủ Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, sáng suốt của Đảng và Chính phủ, rạng sáng ngày 12-7-1946, lực lượng Công an đã khôn khéo, mưu trí, sáng tạo, quyết đoán tổ chức một cuộc đột nhập, tấn công bất ngờ vào trụ sở của bọn Đại Việt - Quốc dân đảng ở số nhà 132 Duvigneau (Đuyvinhô nay là phố Bùi Thị Xuân -Hà Nội), nhanh chóng khống chế bọn phản động có vũ trang, tổ chức khám xét và tịch thu được nhiều tài liệu phản động. Với thắng lợi quan trọng này ta đã đập tan hoàn toàn mưu đồ thâm độc lật đổ chính quyền cách mạng của bọn tay sai phản động cấu kết với thực dân Pháp, giữ vững chính quyền cách mạng.

Những chủ trương, biện pháp, sách lược và đối sách đúng đắn của Đảng đã đem lại thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng: ngăn chặn bước tiến của đội quân xâm lược Pháp ở Nam Bộ, vạch trần và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các kẻ thù; củng cố, giữ vững và bảo vệ bộ máy chính quyền cách mạng; tạo thêm thời gian hòa bình, hòa hoãn, tranh thủ xây dựng thực lực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Những thành công và kinh nghiệm nổi bật của Đảng trong lãnh đạo cách mạng, giai đoạn 1945-1946:

* Nêu cao ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập.
* Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, thực hành nhân nhượng có nguyên tắc “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”.
* Tăng cường đại đoàn kết dân tộc, dựa vào sự ủng hộ vật chất là chính trị, tinh thần của toàn dân. Phát triển thực lực cách mạng.

***2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946 – 1950)***

1. ***Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng***

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, sau đó đổ quân lên Đà Nẵng và Lạng Sơn. Trong các ngày 16 và 17-12-1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính của ta; bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh và Hàng Bún. Ngày 18-12, Thực dân Pháp gửi tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và trao quyền thủ đô cho chúng… Vì vậy, khả năng hoà hoãn không còn nữa. Đảng và nhân dân Việt Nam chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Ngày 12-12-1946, Trung ương ra Chỉ thị Toàn dân kháng chiến.

Ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông (nay thuộc quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình hình, quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!”.

Từ 20 giờ ngày 19-12-1946, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quân và dân Hà Nội và ở các đô thị từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đã đồng loạt nổ súng, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Tại Hà Nội, vào lúc 20 giờ 3 phút, pháo đài Láng bắn loạt đại bác đầu tiên vào thành Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Cuộc chiến đấu ở mặt trận Hà Nội là quyết liệt nhất, diễn ra liên tục trong suốt 60 ngày đêm khói lửa với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Quân ta đã chống trả quyết liệt, đánh tiêu hao nhiều sinh lực địch, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não, lãnh đạo của Trung ương và nhân dân rút ra ngoại thành; hoàn thành nhiệm vụ giam chân địch trong thành phố, bước đầu làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp; bảo toàn lực lượng.

Ở các địa phương khác, như Đà Nẵng, Huế, Vinh, Nam Định, Bắc Ninh, Bắc Giang quân và dân ta cũng đồng loạt nổ súng tấn công vào các vị trí đóng quân của địch trong các đô thị, ngăn chặn địch trên các tuyến giao thông, đánh phá các cơ sở hạ tầng chiến tranh của địch; kìm giữ chân địch không cho chúng mở rộng địa bàn chiếm đóng xung quanh thành phố, thị xã, thị trấn; tiếp tục di chuyển nhân tài, vật lực lên các khu căn cứ địa và ATK...

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947. Đường lối được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng như: Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc (25-11-1945), Chỉ thị Tình hình và chủ trương (3-3-1946), Chỉ thị Hòa để tiến (9-3-1946), Chỉ thị Toàn dân kháng chiến (12-12-1946), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946), tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của đồng chí Trường Chinh (8-1947), ...với nội dung như sau:

Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn; vì nền tự do dân chủ và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới...

Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến, thực hiẹn “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận”.

Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định.

Kháng chiến lâu dài là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta; lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh, từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Kháng chiến dựa vào sức mình là chính: Phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn của trong nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, để tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên giành những thắng lọi to lớn.

1. ***Tổ chức chỉ đạo cuộc kháng chiến (1947 – 1950)***

Ngày 6 - 4 - 1947, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương, nhấn mạnh việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, củng cố chính quyền nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh công tác ngoại giao và tăng cường công tác xây dựng Đảng nhiều quần chúng ưu tú công, nông, trí đã gia nhập Đảng.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp.

Về quân sự, Thu Đông 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân hình thành ba mũi tiến công chính tiến lên vùng ATK Việt Bắc, trong đó có mũi thọc sâu, đột kích nhảy dù xuống trung tâm thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, hòng bắt gọn Chính phủ Hồ Chí Minh. Các mũi khác tiến theo đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng; một mũi tiến theo đường sông Hồng lên sông Lô, sông Gâm tiến công vào ATK Tuyên Quang.

Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp chủ trương tiến hành chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ; chặt đứt giao thông, bao vây không để địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau; tổ chức cuộc chiến tranh nhân dân, đồng loạt tấn công đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của chúng cả đường bộ và đường sông.

Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục, oanh liệt, đến ngày 21-12-1947, quân và dân ta đã lần lượt bẻ gãy tất cả các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp. Ta đã bảo toàn được cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến, đánh bại âm mưu, kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Từ năm 1948, tình hình quốc tế có những chuyển biến tích cực. Đặc biệt, ngày 1-10-1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc giành được chính quyền, Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.

Trên mặt trận ngoại giao, đầu năm 1950, Chính phủ Trung Quốc, Liên Xô và các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu, Triều Tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; ủng hộ, giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Với Lào và Campuchia, Đảng chủ trương “mở rộng mặt trận Lào-Miên”, thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu Việt-Miên-Lào để giúp bạn và cùng bạn chiến đấu.

Tháng 11 - 1949, Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Lực lượng ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) được phát triển nhanh chóng và trưởng thành về mọi mặt.

Tháng 2 - 1950, Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương tổng động viên, ra sắc lệnh huy động nhân lực, vật lực, tài lực của toàn dân để phục vụ đẩy mạnh công cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi lớn hơn.

Trong vùng tạm bị chiếm, Đảng chỉ đạo tiếp tục phát triển mạnh chiến tranh du kích để “biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta”.

Từ giữa năm 1949, tướng Revers (Rơve) -Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, phong tỏa, khóa chặt biên giới Việt-Trung. Tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang rộng mở quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển lên giai đoạn mới. Cuộc chiến đấu ta diễn ra từ ngày 16-9 đến 17-10-1950 và đã giành được thắng lợi to lớn. Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

**3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)**

***a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)***

***\* Hoàn cảnh lịch sử:***

- Thế giới: Liên Xô lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng. Mỹ trở thành tên sen đầm quốc tế, tăng cường giúp đỡ Pháp can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Cách mạng Lào và Campuchia cũng có những chuyển biến tích cực

- Trong nước, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng.

Điều kiện lịch sử đó đặt ra cho Đảng Cộng sản Đông Dương các yêu cầu bổ sung và hoàn chính đường lối cách mạng phù hợp với mỗi nước ở Đông Dương để đưa kháng chiến đi đến thắng lợi.

***\* Nội dung đại hội:***

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, tại xã Vinh Quang (nay là Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 766.000 đảng viên toàn Đảng. Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam

Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Báo cáo Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội của Trường Chinh.

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của của báo cáo được phản ánh trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam gồm các nội dung quan trọng sau đây:

- Xác định tính chất của xã hội Việt Nam lúc này có 3 tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”.

- Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam được xác định là: “đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”. Nhưng nhiệm vụ đó có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng nhiệm vụ chính lúc này là tập trung đấu tranh chống xâm lược, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc.

- Động lực của cách mạng Việt Nam được xác định gồm có bốn giai cấp là: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc, ngoài ra còn có những thân sĩ (thân hào, địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Trong đó nền tảng là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và lao động trí thức; giai cấp công nhân đóng vai trò lãnh đạo

- Triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là quá trình lâu dài, có các giai đoạn phát triển tương ứng với những nhiệm vụ trung tâm, đó là: hoàn thành giải phóng dân tộc; xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cầy có ruộng, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; tiến tới xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Nội dung của Chính cương còn nêu ra 15 chính sách lớn của Đảng trong giai đoạn hiện ta nhằm tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, làm tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội thông qua *Điều lệ mới* của Đảng gồm 13 chương, 71 điều.

* Xác định tôn chỉ của Đảng là phấn đấu “phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phức cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam.
* Nêu ra những quy định về đảng viên, về nền tảng tư tưởng của Đảng, nguyên tắc hoạt động của Đảng Lao động Việt Nam

*Báo cáo chính trị* tại Đại hội nhấn mạnh: “trong giai đoạn này, quyền lợi của các giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của cả dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành đã bầu Bộ Chính trị gồm 7 ủy viên chính thức, 1 ủy viên dự khuyết và Ban Bí thư. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư.

1. ***Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt***

Nhằm làm thất bại kế hoạch Đờ Lát Đờ Tátxinhi (Jean de Lattre de Tassigny), từ đầu năm 1951, Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự có quy mô tương đối lớn đánh vào các vùng chiếm đóng của địch ở địa bàn trung du và đồng bằng Bắc bộ; Chiến dịch Hòa Bình (12-1951) và Chiến dịch Tây Bắc Thu Đông 1952; chiến trường Liên khu V, chiến dịch Thượng Lào, … phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, Bắc Quảng Nam, Khánh Hòa, Nam Bình Thuận...

Trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh việc chăm lo phát triển thực lực, củng cố và tăng cường sức mạnh hậu phương kháng chiến.

Đầu năm 1953, hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư đã họp kiểm điểm về thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và quyết định tiến tới cải cách ruộng đất ở một số vùng nông thôn Việt Nam. Tháng 11-1953, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ năm và Hội nghị toàn quốc của Đảng lần thứ nhất quyết nghị thông qua Cương lĩnh ruộng đất của Đảng Lao động Việt Nam.

Ngày 4-12-1953, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất và ngày 19-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành sắc lệnh Luật cải cách ruộng đất. Song, do còn hạn chế trong nhận thức, việc tiếp thu kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của nước ngoài đã mắc vào giáo điều chủ nghĩa, vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng là độc đoán, chuyên quyền, định kiến chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh.

***c. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến***

Bước vào năm 1953, quân đội Pháp ở Đông Dương bị mắc kẹt trong mâu thuẫn giữa tập trung binh lực và chiếm giữ, giữa tiến công và phòng ngự, giữa bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ và bảo vệ vùng Tây Bắc, Thượng Lào.

Tháng 5-1953, Pháp cử Đại tướng H. Navarre (Hăngri Nava) đang đảm nhiệm chức vụ Tổng Tham mưu trưởng lục quân khối NATO sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị-quân sự mới lấy tên là “Kế hoạch Nava”. Kế hoạch Nava dự kiến thực hiện trong vòng 18 tháng nhằm “chuyển bại thành thắng”. Nava chủ trương tăng cường tập trung binh lực, hình thành những “quả đấm thép” để quyết chiến với chủ lực của Việt Minh. Trong quá trình triển khai kế hoạch, Nava đã từng bước biến Điện Biên Phủ-một địa danh vùng Tây Bắc Việt Nam trở thành một căn cứ quân sự khổng lồ và là trung tâm điểm của kế hoạch. Đến đầu năm 1954, Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một “pháo đài khổng lồ không thể công phá”, được giới quân sự, chính trị Pháp-Mỹ đánh giá là “một cỗ máy để nghiền Việt Minh”.

Để đánh bại âm mưu và kế hoạch Nava, Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Từ đầu tháng 9-1953, Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam nghiên cứu, đánh giá toàn diện tình hình quân sự trên chiến trường và vạch ra kế hoạch tác chiến mới. Cuối tháng 9-1953, Bộ Chính trị họp bàn và thông qua chủ trương tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953-1954, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng của ta, giữ vững thế chủ động, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Nghị quyết quan trọng này của Bộ Chính trị đã mở đường đi tới những thắng lợi lịch sử trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tháng 12-1953, Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng xong các kế hoạch tác chiến cụ thể cho các chiến trường, ngày 6-12-1953 Bộ Chính trị đã quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ và giao Đại tướng Võ Nguyên Giáp-Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh quân đội trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch. Phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ và tạo điều kiện cho trận quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ, lực lượng quân sự tổ chức nghi binh, kéo dãn lực lượng địch trên toàn chiến trường Đông Dương, mở nhiều cuộc tấn công trên các hướng chiến lược quan trọng, như: Lai Châu (12-1953); Trung Lào (12-1953), Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia (12-1953); mặt trận Tây Nguyên (1-1954); Thượng Lào (1-1954). Tại mặt trận Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ, Nam Bộ ta tổ chức đồng loạt tấn công địch, kết hợp phát động phá tề, trừ gian, mở các chiến dịch địch vận, ngụy vận, phá hủy giao thông, đẩy mạnh hoạt động chiến tranh du kích...

Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện tiền tuyến, Trung ương Đảng, Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất, Bộ Chính trị quyết định thành lập Ủy ban chi viện tiền tuyến. Mọi nguồn nhân tài, vật lực, dân công tiếp tế, chi viện cho mặt trận Điện Biên Phủ được tăng cường với hàng vạn ngày công, hàng vạn tấn lương thực, đạn dược, vũ khí, phương tiện trang bị, … Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được”.

Thực hiện quyết tâm chiến lược đó, ta đã tập trung khoảng 5 vạn quân với mọi nỗ lực và quyết tâm cao nhất bao vây chặt quân địch ở Điện Biên Phủ. Với phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, “đánh chắc thắng”, ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu phía Bắc trung tâm Mường Thanh, mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ. Trải qua 56 ngày đêm, với 3 đợt tiến công lớn, vào hồi 17 giờ 30 phút chiều 7-5-1954, Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hầm chỉ huy, bắt Đờ Cátơri chỉ huy trưởng và Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Toàn bộ lực lượng địch ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt và bị bắt sống. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đã đưa cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi vẻ vang ...

Chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ là thắng lợi của ý chí và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam. Với nước Pháp “Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một trong những thảm bại lớn nhất của phương Tây...”. Thắng lợi ở Điện Biên Phủ là “thiên sử vàng của dân tộc Việt Nam”, được ghi nhận là một chiến công vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX và “đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân”.

Thắng lợi trên mặt trận quân sự quyết định thắng lợi trên đàm phán ngoại giao. Ngày 8-5-1954, phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị Giơnever (Thụy Sĩ) với tư thế một dân tộc chiến thắng. Trong 75 ngày đàm phán căng thẳng, gay go, phức tạp, trải qua 8 phiên họp toàn thể, 23 phiên họp cấp trưởng đoàn và nhiều cuộc gặp gỡ riêng với nhiều áp lực, tác động tiêu cực của diễn biến tình hình quốc tế phức tạp và sức ép của các nước lớn. Phía Việt Nam luôn kiên trì đấu tranh, giữ vững nguyên tắc, nhân nhượng có điều kiện và cũng tích cực đấu tranh để bảo vệ quyền lợi chính trị của lực lượng kháng chiến Lào và Campuchia. Song so sánh lực lượng không thuận lợi cho cách mạng ba nước Đông Dương, nên ta đồng ý chấp nhận ký kết với Pháp bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam vào ngày 21-7-1954. Nội dung cơ bản như sau: Pháp và các nước tham dự Hội nghị long trọng cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước đó; cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương... Kết quả Hội nghị phản ánh xu thế chung và cục diện tình hình quốc tế lúc bấy giờ. Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam và mở đường cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho nhân dân ba nước Đông Dương sau này.

*4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ*

1. ***Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến***

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã bảo vệ và phát triển tốt nhất các thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; củng cố, phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo tiền đề về chính trị- xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ vững chắc miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa nhỏ bé đã đánh thắng một cường quốc thực dân, nó có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các châu lục Á, Phi, Mỹ Latinh.

***b. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến***

*Một là*, đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu.

*Hai là*, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kết hợp nhuần nhuyễn hình các thức đấu tranh trên các mặt trận, lấy quân sự làm nòng cốt, lấy xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm chỗ dựa, nền tảng để củng cố phát triển cơ sở hạ tầng chính trị-xã hội vững chắc, phát huy hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến của Đảng, Chính phủ trên thực tế.

*Ba là*, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn. Phát triển các loại hình chiến tranh đúng đắn, sáng tạo phù hợp với đặc điểm của cuộc kháng chiến và so sánh lực lượng ta địch, đó là loại hình chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện.

*Bốn là*, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị-quân sự của cuộc kháng chiến.

*Năm là*, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận.

**II**. **Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)**

*1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng 2 miền Nam-Bắc (1954-1965)*

***a. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công (1954-1960)***

***\* Tình hình nước ta sau tháng 7/1954***

**- Thuận lợi:**

Về thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản.

Ở trong nước, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước sau 9 năm kháng chiến. Có ý chí độc lập thống nhất của nhân dân cả nước

**- Khó khăn:**

Thế giới xuất hiện đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng. Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Trong nước, đất nước chia làm hai miền, có chế độ chính trị khác nhau, miền Nam do đế quốc, tay sai kiểm soát, không chịu thực hiện hòa bình thống nhất đất nước. Kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu. Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam.

Tình hình phức tạp nêu trên đã đặt Đảng ta trước một yêu cầu bức thiết là phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên phù hợp với tình hình mới của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

***\* Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội.***

Sau khi miền Bắc đã được giải phóng, Trung ương Đảng đã chủ trương chuyển miền Bắc sang giai đoạn mới với nhận thức mới: sự kết thúc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa như các cương lĩnh của Đảng đã xác định

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân

Hội nghị lần thứ bảy (3-1955) và lần thứ tám (8-1955) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định: Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, ngay sau khi hoà bình được lập lại, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc đấu tranh đòi đối phương phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng lịch trình quy định.

Ngày 10-10-1954, người lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hà Nội, ngày 16-5-1955, toàn bộ quân đội viễn chinh Pháp và tay sai đã phải rút khỏi miền Bắc.

Trước hết, Đảng đã chỉ đạo lấy khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp được kết hợp với cải cách ruộng đất và vận động đổi công, giúp nhau sản xuất, đồng thời, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho nông nghiệp.

Về khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành. Hầu hết các xí nghiệp quan trọng đã được phục hồi sản xuất và tăng thêm thiết bị, một số nhà máy mới được xây dựng. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển nhanh.

Công cuộc giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh ... Đến tháng 7-1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và miền núi.

Trong quá trình cải cách ruộng đất, bên cạnh những kết quả đạt được, ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài trong chỉ đạo thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sai lầm là chủ quan, giáo điều, không xuất phát từ tình hình thực tiễn, nhất là những thay đổi quan trọng về quan hệ giai cấp, xã hội ở nông thôn miền Bắc sau ngày được hoàn toàn giải phóng. Do đó, đã cường điệu hóa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, dẫn đến mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh; sử dụng hình thức, phương pháp không phù hợp với đối tượng là địa chủ ở nông thôn Việt Nam

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), tháng 9-1956, đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm, trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Trung ương Đảng.

Tháng 12-1957, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới. Đến tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960).

Tháng 4-1959, Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp

Kết quả của ba năm phát triển kinh tế-văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) đã tạo nên những chuyển biến cách mạng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

***\* Ở miền Nam***

Năm 1954, đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam. Âm mưu xâm lược của Mỹ đối với miền Nam là biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài Việt Nam; xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa từ phía Đông Nam khi có điều kiện; biến miền Nam thành một mắt xích trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống vùng này.

Để thực hiện những âm mưu đó, Mỹ đã nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống. Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã xé bỏ Hiệp định Geneve, cự tuyệt tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Tháng 7-1954, Đảng quyết định thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi đối phương phải thi hành Hiệp định, tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, trong tình hình mới.

Nghị quyết Bộ Chính trị, tháng 9-1954, nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi thi hành Hiệp định; chuyển hướng công tác cho phù hợp điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất, độc lập, đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về tình hình và công tác của các đảng bộ miền Nam, tháng 10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, do đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị làm Bí thư. Từ thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã dự thảo *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*, nêu rõ chế độ thống trị của Mỹ Diệm ở miền Nam là một chế độ độc tài, phát xít, hiếu chiến. Để chống đế quốc Mỹ và tay sai, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác ... Bản Đề cương là một trong những văn kiện quan trọng, góp phần hình thành đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam của Đảng.

Để giữ gìn lực lượng và duy trì hoạt động trong điều kiện quân thù khủng bố dã man, các đảng bộ ở miền Nam đã sắp xếp lại tổ chức và rút vào hoạt động bí mật. Nhiều nơi quần chúng đã lấy vũ khí chôn giấu khi có Hiệp định đình chiến, cướp súng địch, dùng vũ khí tự tạo để tự vệ, chống lại khủng bố, tiêu diệt những tên phản động chỉ điểm, ác ôn. Nhiều khu căn cứ được củng cố lại, nhiều đội vũ trang được thành lập.

Từ năm 1958, kẻ địch càng đẩy mạnh khủng bố dã man, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, dồn dân quy mô lớn vào các trại tập trung. Tháng 3-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh”. Với luật 10/59, địch dùng Tòa án quân sự đặc biệt để đưa những người bị bắt ra xét xử và bắn giết tại chỗ.

Chính sách khủng bố và chiến tranh đó đã làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam Việt Nam thêm gay gắt, làm cho tình thế cách mạng chín muồi, dẫn đến bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của quần chúng. Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 1-1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đã ra nghị quyết về cách mạng miền Nam với tinh thần cơ bản là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, tiến tới khởi nghĩa vũ tranh giành chính quyền về tay nhân dân... Nghị quyết 15 đã vạch rõ phương hướng tiến lên cho cách mạng miền Nam, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn.

Từ giữa năm 1959, một số cuộc khởi nghĩa vũ trang và đấu tranh vũ trang đã bùng nổ ở Tà Lốc, Tà Léc (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận); Trà Bồng (Quảng Ngãi) và ở Gò Quảng Cung (Đồng Tháp)... Ngày 17-1-1960, ở Bến Tre, hình thức khởi nghĩa đồng loạt (đồng khởi) bắt đầu bùng nổ do đồng chí Nguyễn Thị Định lãnh đạo ở huyện Mỏ Cày, sau đó lan ra các huyện Minh Tân, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, rồi nhanh chóng mở rộng ra khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và một số nơi thuộc các tỉnh Trung Bộ. Hệ thống kìm kẹp của địch ở xã, ấp bị tê liệt và tan vỡ từng mảng lớn.

Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi đã làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn, có 1.383 xã/2.627 xã nhân dân lập chính quyền tự quản. Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở nông thôn đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh ở đô thị và các đồn điền, nhà máy.

Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Từ đây cách mạng miền Nam đã có một tổ chức chính trị để tập hợp rộng rãi quần chúng, nhân dân đoàn kết đấu hướng tới mục tiêu đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, xây dựng một miền Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi là bước nhảy vọt có ý nghĩa lịch sử của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

***b.* *Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961-1965)***

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và báo cáo về Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, … .

- Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam: thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

- Về mục tiêu chiến lược chung: cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

- Về hòa bình thống nhất Tổ quốc: chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

-Về triển vọng của cách mạng: Cuộc đấu tranh sẽ diễn ra gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài. Song thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

-Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt

Đại hội đã đề ra đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Để thực hiện mục tiêu nói trên, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh; thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiến phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

- Ý nghĩa đường lối:

+ Đại hội lần thứ III của Đảng là đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc.

+ Đó chính là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam vừa phù hợp với tình hình quốc tế, nên đã phát huy và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc, do đó tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trên cơ sở miền Bắc đã hoàn thành kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra và chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; xây dựng một bước cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội; cải thiện đời sống nhân dân; bảo đảm an ninh quốc phòng, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Kế hoạch này mới thực hiện được hơn bốn năm (tính đến ngày 5-8-1964) thì được chuyển hướng do phải đối phó với chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, song những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành.

Trong những năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã không ngừng tăng cường chi viện cách mạng miền Nam thông qua hai tuyến đường: đường mòn Hồ Chí Minh và đường Hồ Chí Minh trên biển. Đây là một thành công lớn, có ý nghĩa chiến lược của hậu phương miền Bắc với nhiều sự hy sinh anh dũng của cán bộ chiến sĩ, góp phần vào chiến thắng của quân dân miền Nam đánh bại chiến tranh xâm lược thức dân mói của đề quốc Mỹ và tay sai giai đoạn 1961-1965….

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh.

***Ở miền Nam***, từ năm 1961, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, một bộ phận trong chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt”, với vai trò của Tổng thống Mỹ John F Kennedy (J. Ken nơ dy). Với công thức “cố vấn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa”, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, dự định lập 17.000 ấp chiến lược là “quốc sách”. Chúng đã có hai kế hoạch quân sự-chính trị để thực hiện mục tiêu của chiến tranh đặc biệt là kế hoạch Stalay-Taylo (1961-1963) và L. Johnson – Robert S McNamara (Giôn xơn-Mắc Namara 1964-1965). Chiến thuật quân sự được chúng áp dụng là “trực thăng vận” và “thiết xa vận” .... Từ ngày 10-8-1961, Mỹ bắt đầu rải chất độc Dieoxin (chất đọc màu da cam) xuống miền Nam Việt Nam

- Tháng 1-1961 và tháng 2-1962, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về “Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam”. Chủ trương đẩy mạnh đấu tranh vũ trang song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rùng núi, bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận.

- Tháng 10-1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập, do Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. Đảng bộ miền Nam được kiện toàn với hệ thống tổ chức thống nhất, tập trung từ Trung ương Cục đến các chi bộ . Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam còn làm chức năng của chính quyền cách mạng.

- Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang ở miền Nam được thống nhất với tên gọi Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Ngày 2-1-1963, quân ta giành thắng lợi vang dội tại Ấp Bắc (Mỹ Tho) đã thể hiện sức mạnh và hiệu quả của đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, chống địch càn quét và nổi dậy giành quyền làm chủ.

- Từ đầu năm 1963, phong trào đấu tranh phá “ấp chiến lược” phát triển mạnh mẽ, đồng thời, phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lên cao, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, trí thức, học sinh, sinh viên và các giáo phái tham gia, đặc biệt là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo năm 1963.

- Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nội bộ kẻ địch ngày càng khủng hoảng trầm trọng. Ngày 1-11-1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, lực lượng quân đảo chính lật đổ anh em Diệm – Nhu đưa Dương Văn Minh lên làm tổng thống.

- Tháng 12-1963, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 9, xác định những vấn đề quan trọng về đường lối cách mạng miền Nam và đường lối đoàn kết quốc tế của Đảng. Nghị quyết Trung ương lần thứ 9 đã xác định “đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp” thắng lợi trên chiến trường.

- Cuối 1964 đầu 1965, quân và dân miền Nam đã mở nhiều chiến dịch với hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trên khắp các chiến trường, như ở An Lão, Việt An, Ba Gia, Bình Giã, Đồng Xoài .... Các chiến dịch quân sự và phong trào đấu tranh chính trị dồn dập, có hiệu quả của quân và dân miền Nam đã làm cho ba chỗ dựa chủ yếu của Mỹ lầ quân đội chính quyền Sài Gòn, hệ thống “ấp chiến lược” và các đô thị bị lung lay tận gốc.

- Với tinh thần chủ động, sáng tạo, sau hơn 4 năm (từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965), lực lượng cách mạng ở miền Nam đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam.

- Đến đầu năm 1965, các công cụ, chỗ dựa của “chiến tranh đặc biệt” là ngụy quân ngụy quyền, ấp chiến lược, đô thị đều bị lung lay tận gốc. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

*2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965-1975)*

***a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng***

**\* Bối cảnh lịch sử:**

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, để cứu vãn chính quyền và quân đội Sài Gòn, Mỹ quyết định tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ồ ạt đưa quân viễn chinh và quân chư hầu vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Đồng thời, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

**\* Nội dung đường lối**

Trước tình hình mới, Đảng ta đã họp Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) để tập trung phân tích đánh giá tình hình và đưa ra chử trương, chiến lược trong giai đoạn mới:

- Nhận định tình hình và chủ trương chiến lược: Trung ương Đảng nhân định “Chiến tranh cục bộ” vẫn là loại hình chiến tranh thực dân xâm lược được thực hiện trên thế thua và thế thất bại nên ngay từ đầu đã chứa đựng đầy mâu thuẫn. về tính chất không thay đổi nhưng về mức độ sẽ diễn ra ác liệt hơn. Từ đó, Trung ương Đảng chủ trương phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc

- Quyết tâm và mục tiêu chiến lược: Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

- Phương châm chiến lược: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh; cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

- Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

- Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

- Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

***\* Ý nghĩa*:**

Thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng của Đảng và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong hoàn cảnh mới, cơ sở để Đảng lãnh đạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi vẻ vang

***b. Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thế chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ (1965-1968)***

**Ở miền Bắc**: Ngày 5-8-1964, Mỹ dựng lên “sự kiện vịnh Bắc Bộ” nhằm lấy cớ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

- Mục đích: của Tổng thống Mỹ Jonhson đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá; phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam; đè bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của cả dân tộc Việt Nam, buộc chúng ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện do Mỹ đặt ra.

- Chủ trương của Đảng: *Một là*, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; *Hai là*, tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; *Ba là*, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam; *Bốn là*, phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Thực hiện những nghị quyết của Đảng và theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc đã dấy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ. Thanh niên có phong trào “Ba sẵn sàng”, phụ nữ có phong trào “Ba đảm đang”, nông dân có phong trào “Tay cày tay súng”, công nhân có phong trào “Tay búa, tay súng”, ... Đó thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại hào hùng, sáng tạo với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”.

Do bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam-Bắc, tháng 3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc, và ngày 1-11-1968, Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.

- *Kết quả, ý nghĩa:* Chế độ xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng ở miền Bắc lúc đó đã vượt qua được nhiều thử thách nghiêm trọng và ngày càng phát huy tính ưu việt trong chiến tranh, đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực. Sản xuất nông nghiệp không những không giảm sút mà còn có bước phát triển tiến bộ. Cơ sở vật chất-kỹ thuật trong nông nghiệp được tăng cường so với trước chiến tranh; có 4.655 hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ. Phong trào thâm canh tăng vụ được đảy mạnh ở nhiều địa phương. Nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội vẫn bảo đảm.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì mặc dù gặp nhiều khó khăn gay gắt. Nhiều nhà máy và xí nghiệp lớn phải sơ tán hoặc phân nhỏ để tiếp tục sản xuất trong điều kiện có chiến tranh. Công nghiệp địa phương phát triển mạnh.

Đời sống nhân dân căn bản được ổn định. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, ý tế, đào tạo cán bộ chẳng những không ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời chiến và đạt nhiều kết quả tốt. Công tác nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên được đẩy mạnh, vừa phục vụ sự nghiệp xây dựng kinh tế trước mắt, vừa chuẩn bị cho nhiệm vụ lâu dài xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong chiến đấu, quân dân miền Bắc đã bắn rơi hơn 3.200 máy bay, bắn cháy 140 tàu chiến của địch. Nhiệm vụ chi viện tiền tuyến được hoàn thành xuất sắc, góp phần cùng quân dân miền Nam đánh bại cuộc “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

**Ở miền Nam**: Cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ tiến hành là cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, mạnh nhất, kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai với sự tham gia của quân đội Mỹ và nhiều nước chư hầu.

- Mùa khô 1965-1966, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ đã huy động 70 vạn quân, trong đó có gần 20 vạn quân Mỹ, mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào ba hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng Khu V và miền Đông Nam Bộ bao gồm cả vùng ngoại thành Sài Gòn.

- Theo đường lối kháng chiến của Đảng và được hậu phương miền Bắc ra sức chi viện, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu chống lại cuộc “chiến tranh cục bộ” của Mỹ và tay sai. Năm 1965, quân dân ta bẻ gẫy cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966, làm thất bại kế hoạch tìm và diệt, bình định của Mỹ.

- Chiến thắng Vạn Tường (5/8/1965), một cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy được dấy lên mạnh mẽ khắp chiến trường miền Nam.

- Mùa khô 1966-1967, với lực lượng hùng hậu, gồm 39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn chư hầu và 54 vạn quân ngụy cùng với 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng và xe bọc thép, Mỹ đã mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm vào hướng từ Tây Nguyên đến Sài Gòn. Song đều bị quân ta bẻ gẫy.

- Trên mặt trận chống phá “bình định”, quân và dân các vùng nông thôn kiên trì phương châm “bốn bám” và đẩy mạnh “ba mũi giáp công” đã chặn đánh quyết liệt các cuộc hành quân càn quét và bình định của Mỹ - ngụy.

- Phong trào đấu tranh chính trị vẫn tiếp tục phát triển, mức độ ngày càng quyết liệt ở hầu khắp các thành thị miền Nam, nhất là ở Huế và Đà Nẵng, với các khẩu hiệu đòi lật đổ chính phủ bù nhìn tay sai Mỹ, đòi Mỹ rút khỏi Việt Nam.

Đến cuối năm 1967, cuộc “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ đã được đẩy đến đỉnh cao, số quân viễn chinh đổ vào miền Nam đã lên 48 vạn, mọi thủ đoạn và biện pháp chiến tranh đã được sử dụng, thế nhưng, đế quốc Mỹ vẫn không sao thực hiện được các mục tiêu chính trị và quân sự đã đề ra. Mặt khác, phong trào phản chiến tranh, đòi rút quân Mỹ về nước ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân ở Mỹ. Kết hợp với những thắng lợi về quân sự và chính trị, ngày 28-1-1967, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã quyết định mở mặt trận ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, bè bạn, mở ra cục *diện vừa đánh, vừa đàm,* phát huy sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ.

- Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã ra một nghị quyết chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích-tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị, dinh lũy của Mỹ-ngụy trên toàn miền Nam. Nghị quyết này của Bộ Chính trị đã được Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp tháng 1-1968 thông qua.

- Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, Quân giải phóng mở chiến dịch đường 9 Khe Sanh từ 24-1 đến 15-7-1968 như là cuộc nghi binh chiến lược. Đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu Thân, thừa lúc địch sơ hở, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt I đã được phát động trên toàn miền Nam. Quân và dân ta đồng loạt tiến công địch ở 4/6 thành phố, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, quận lỵ, chi khu quân sự, kho tàng, hầu hết các cơ quan đầu não địch ở trung ương và địa phương, căn cứ quân sự của Mỹ, từ Đường 9-Khe Sanh đến đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt mạnh mẽ là ở Sài Gòn-Gia Định, Huế.

- Tháng 5 và tháng 8-1968, quân và dân ta tiếp tục tiến công đã tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục vạn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, giải phóng thêm hàng triệu đồng bào, làm tê liệt nhiều cơ quân đầu não của chính quyền địch.

- Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một chủ trương táo bạo và sáng tạo của Đảng, là một đòn tiến công chiến lược đánh thẳng vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ, vào tận hang ổ kẻ thù. Đây là thất bại chiến lược có tính chất bước ngoặt, khởi đầu quá trình đi đến thất bại hoàn toàn của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ phá sản. Mỹ buộc phải ngồi vào bàn đàm phán với Việt Nam tại Paris (Pháp) từ ngày 13-5-1968.

- Hội nghị paris chính thức mở ra. Phái đoàn đàm phán của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng đoàn và đồng chí Lê Đức Thọ ủy viên Bộ Chính trị làm cố vấn. Tháng 1-1969, Mỹ phải chấp nhận cuộc đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Paris, có sự tham gia của đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập ngày 6-6-1969 do kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch và cử đoàn đại biểu tham gia đàm phán ở Paris do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình làm Trưởng đoàn.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động quân sự năm 1968 đã có biểu hiện chủ quan trong việc đánh giá tình hình, đề ra yêu cầu chưa sát với thực tế. Đặc biệt là sau đợt tấn công trong Tết Mậu Thân, ta đã không kiểm điểm, rút kinh nghiệm kịp thời, không đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch cũng như âm mưu đối phó của chúng, chủ trương tiếp tục mở các đợt tiến công vào đô thị khi không còn điều kiện và yếu tố bất ngờ “là sai lầm về chỉ đạo chiến lược”. Địch đã phản kích quyết liệt, đẩy chủ lực ta ra xa khỏi các thành thị, các vùng ven, vùng đồng bằng, tiến hành bình định trên quy mô lớn, đồng thời triển khai hàng loạt biện pháp nhằm triệt phá cơ sở cách mạng miền Nam. Cách mạng miền Nam lâm vào thời kỳ khó khăn nghiêm trọng do bị tổn thất lớn về lực lượng và thế trận.

***c. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975)***

* Tranh thủ những thuận lợi mới do Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, từ tháng 11/1968, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc thực hiện kế hoạch ngắn hạn nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục công cuộc xây dựng miền Bắc và tăng cường lực lượng cho miền Nam.

- Ngày 2/9/1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đó là tổn thất lớn nhất đối với cách mạng Việt Nam.

- Ngày 23/9/1969, Quốc hội khóa III tại kỳ họp đặc biệt đã bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Phó Chủ tịch nước

- Nhân dân miền Bắc đã khẩn trương bắt tay khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt được nhiều thành tựu to lớn. Trong nông nghiệp, năm 1969 diện tích các loại cây trồng đều vượt năm 1968, riêng diện tích và sản lượng lúa tăng khá nhanh, chăn nuôi cũng phát triển mạnh. Trong công nghiệp, hầu hết các xí nghiệp bị địch đánh phá được khôi phục, sửa chữa. Hệ thống giao thông, cầu phà, bến bãi được khẩn trương khôi phục và xây dựng thêm. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế có bước phát triển tốt so với trước, nhất là hệ thông giáo dục đại học, tăng lên 36 trường và phân hiệu với hơn 8 vạn sinh viên.

- Những kết quả đạt được đã làm cho tiểm lực mọi mặt của hậu phương lớn miền Bắc được tăng cường, cải thiện đời sống nhân dân, cho phép miền Bắc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến ngày càng cao, góp phần quyết định tạo nên chiến thắng to lớn trên chiến trường miền Nam.

- Tháng 4-1972, đế quốc Mỹ đã cho máy bay, tàu chiến tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai hết sức ác liệt, nhất là cuộc rải thảm bom bằng pháo đài bay B.52 trong 12 ngày đêm ở Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương. Trước hành động chiến tranh điên cuồng của địch, Trung ương Đảng đã phát động quân dân miền Bắc nhanh chóng phát triển cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại đến đỉnh cao, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, tiếp tục chi viện miền Nam, giữ vững lập trường đàm phán. Trong 9 tháng chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, quân dân miền Bắc đã bình tĩnh, sáng tạo vừa sản xuất vừa chiến đấu, nhất là trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, lập nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc và trở lại bàn đàm phán ở Pais.

Sau ngày Hiệp định Paris được ký kết, miền Bắc có hòa bình, Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế 1974-1975. Với khí thế chiến thắng, nhân dân miền Bắc đã lao động hăng hái, khẩn trương, thực hiện có hiệu quả kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế. Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường và tiếp tục tăng cường chi viện cho tiền tuyến miền Nam về sức người sức của.

- Qua hai lần chống chiến tranh phá hoại, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 4.181 máy bay trong đó có nhiều B.52, bắn cháy 271 tầu chiến của Mỹ, bắt và tiêu diệt hàng ngàn giặc lái Mỹ.

Miền Bắc còn hoàn thành nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia.

**Ở miền Nam**, sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, từ đầu năm 1969, Tổng thống Mỹ Richard Nixon đã đề ra chiến lược toàn cầu mới mang tên “Học thuyết Níchxơn” chủ trương thay chiến lược “chiến tranh cục bộ” bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” một chính sách rất thâm độc nhằm “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam” để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

- Trước âm mưu và thủ đoạn của Mỹ, Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) và Hội nghị Bộ Chính trị (6-1970) đã đề ra chủ trương mới nhằm chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh", lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi chương trình “bình định” của địch.

- Năm 1971, quân và dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn “Lam Sơn 719” của Mỹ-ngụy đánh vào Đường 9-Nam Lào nhằm cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh, cắt đứt con đường tiếp tế quan trọng của miền Bắc đối với miền Nam và phong trào kháng chiến Campuchia. Cũng vào thời gian này, quân và dân ta cùng với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân “Toàn thắng 1-1971” của Mỹ-ngụy đánh vào các hậu cứ kháng chiến tại Đông-Bắc Campuchia.

- Xuân-Hè năm 1972, quân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược với quy mô lớn, cường độ mạnh, hướng chủ yếu là Trị-Thiên, đánh thẳng vào tuyến phòng ngự của địch ở Đường 9, sau đó mở rộng ra Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, rồi đến đồng bằng Khu V và đồng bằng sông Cửu Long, giành thắng lợi to lớn. Buộc đế quốc Mỹ điên cuồng đối phó bằng cách vội vã “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh ở miền Nam, đánh phá trở lại miền Bắc lần thứ hai từ đầu tháng 4-1972 bằng những thủ đoạn chiến tranh hủy diệt tàn bạo, song không cứu vãn được tình thế.

- Cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Paris đã kéo dài 4 năm 8 tháng 14 ngày, với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao giữ cố vấn Lê Đức Thọ với cố vấn H. Kissinggers, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn và kết thúc vào ngày 27-1-1973 với việc ký kết “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”. Trong đó, Điều 1 của Hiệp định về chấm chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam ghi rõ: “Hoa Kỳ và các nước khác khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Geneve năm một nghìn chín trăm năm mươi tư đã công nhận”

- Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố, không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược Việt Nam, mà âm mưu tiếp tục tiến hành chiến tranh để áp đặt chủ nghĩa thực dân mới và chia cắt lâu dài đất nước ta. Dưới sự chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ngang ngược phá hoại hiệp định, liên tiếp mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của ta.

- Trước tình hình trên, tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng và nhấn mạnh: bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công. Nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới. Tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng là tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

- Thực hiện Nghị quyết của Đảng, từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta ở miền Nam đã liên tiếp giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường. Đặc biệt, cuối năm 1974 đầu năm 1975, quân ta đánh chiếm thị xã Phước Long (ngày 6-1-1975), giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, địch không có khả năng đánh chiếm trở lại.

- Hội nghị Bộ Chính trị họp đợt 1 (từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974) và đợt 2 (từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975) đã bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trong khi Bộ Chính trị đang họp thì quân ta giải phóng giành thắng lợi lớn ở Phước Long (6-1-1975). Chiến thắng Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long đã tạo thêm cơ sở để Hội nghị Bộ Chính trị đi tới nhận định: Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

- Bộ Chính trị đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976 theo tinh thần là: năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ Chính trị còn dự kiến một phương hướng hành động linh hoạt là nếu thời cơ đến, vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 bắt đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên, mở tiến công vào thị xã Buôn Ma Thuột ngày 10-3-1975 đã giành được thắng lợi. Trước tình hình quân ta thắng lớn ở Tây Nguyên, cuộc họp Bộ Chính trị ngày 18-3-1975 đã quyết định: giải phóng miền Nam trong năm 1975.

- Phối hợp với chiến trường Tây Nguyên, ngày 21-3-1975, chiến dịch tiến công giải phóng Huế bắt đầu. Ngày 26-3, thành phố Huế được giải phóng. Ngày 26-3, chiến dịch tiến công giải phóng thành phố Đà Nẵng bắt đầu. Ngày 29-3, Đà Nẵng được giải phóng. Trên đà thắng lợi của mặt trận Tây Nguyên và Huế, Đà Nẵng, ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị bổ sung quyết tâm chiến lược: giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Ngày 6-4 -1975, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra mệnh lệnh: Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, sốc tới chiến trường giải phóng miền Nam, quyết chiến và toàn thắng.

- Ngày 26-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn-Gia Định bắt đầu. Sau 4 ngày đêm tiến công, vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ chiến thắng đã được cắm trên dinh Độc Lập. Sài Gòn được giải phóng.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra trong 55 ngày đêm từ ngày 10-3 đến ngày 30-4-1975. Vào 11 giờ 30 phút, ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng được cắm trên nóc dinh Độc lập. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã toàn thắng, đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

**3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975**

***a. Ý nghĩa***

- Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng, 117 năm chống đế quốc xâm lược, quét sạch quân xâm lược, giành lại nền độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.

- Kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội; làm tăng thêm sức mạnh vật chất tinh thần, thế và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; nâng cao khí phách, niềm tự hào và để những kinh nghiệm quý cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

- Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc tiến công vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm phá sản các chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và tác động đến nội tình nước Mỹ; làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

***b. Kinh nghiệm***

*Một là*, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

*Hai là*, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.

*Ba là*, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chi ủy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn.

*Bốn là*, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

Hạn chế của Đảng trong chỉ đạo thực tiễn: Có thời điểm đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch chưa thật sự đầy đủ và còn có những biểu hiện nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

**Chương 3**

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY)**

**I. LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986)**

**1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981**

***a. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước***

**Thuận lợi:** Sau năm 1975 đất nước với thuận lợi hòa bình, độc lập, thống nhất, tài nguyên phong phú, đa dạng, nhân dân ta có nhiều phẩm chất tốt đẹp.

**Khó khăn:** Các nước xã hội chủ nghĩa bộc lộ những khó khăn về kinh tế-xã hội và sự phát triển; các thế lực thù địch bao vây cấm vận và phá hoại sự phát triển của Việt Nam; nền kinh tế trong nước thấp kém, sản xuất nhỏ là phổ biến; hậu quả chiến tranh rất nặng nề.

Đảng lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Cụ thể là thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam.

- Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8/1975) chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam.

- Ngày 27/10/1975, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đặc biệt để bàn chủ trương, biện pháp thống nhất nước nhà về mặt nhà nước.

- Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Bắc, Nam đã họp tại Sài Gòn. Hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước. Tổ chức tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976 theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- Ngày 3/1/1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW nêu rõ tầm quan trọng của cuộc tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử.

- Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tiến hành. Hơn 23 triệu cử tri, đạt tỉ lệ 98,77% tổng số cử tri đi bầu, đã bầu ra 492 đại biểu. Thắng lợi của công việc bầu cử thể hiện ý chí đoàn kết toàn dân tộc và nguyện vọng thống nhất nước nhà.

- Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất tại Hà Nội (7/1976). Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*, Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước; Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội và Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Tiếp tục thống nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

**Ý nghĩa:** Hoàn thành thống nhất nước nhà đã nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà*”.

***b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981***

\* **Nội dung cơ bản của Đại hội**

Thời gian: từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976

Địa điểm: thủ đô Hà Nội.

Đại biểu: Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế tham dự.

- Đại hội đã thông qua:

+ Báo cáo chính trị

+ Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980)

+ Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng

+ Quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu Ban Chp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng.

- Đại hội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như những trang chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có ý nghĩa quốc tế quan trọng, có tính thời đại sâu sắc.

- Đại hội đã nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

*+ Một là,*nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

*+ Hai là,* Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên xã hội chủ nghĩa với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra*.*

*+ Ba là,*cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt.

- Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của nước ta là: “*Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa* xã hội chủ nghĩa *là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*”.

- Đại hội xác định đường lối phát triển kinh tế là: Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

- Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá (1976-1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích luỹ để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể; coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

\* **Ý nghĩa:** Đại hội IV của Đảng là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên xã hội chủ nghĩa “xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Hạn chế của Đại hội lần thứ IV: Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đề ra các một số chỉ tiêu kinh tế quá cao, kết quả đã không thực hiện được.

\* **Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1976-1982)**

***- Bước đột phá đầu tiên đổi mới kinh tế của Đảng***

+ Đột phá này từ Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”.

+ Hội đồng Chính phủ ra quyết định (10/1979) về việc tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hoá; quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát để người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường.

+ Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW (1/1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp.

+ Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP (1/1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh. Đó là những căn cứ thực tế để Đảng đi đến quyết định thay đổi về cơ bản cơ chế quản lý kinh tế.

***- Thắng lợi bảo vệ biên giới phía Tây Nam Tổ quốc***

+ Từ tháng 4/1975 đến 12/1978, tập đoàn Pôn Pốt đã thi hành chính sách diệt chủng ở Campuchia và tiến hành hàng ngàn vụ tấn công xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam.

+ Từ ngày 26/12/1978, quân và dân Việt Nam đã đánh trả, tiến công đánh đuổi bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi. Thể theo yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp và giúp đỡ Campuchia tổng tiến công, đến ngày 7/1/1979 giải phóng Phnôm Pênh.

+ Ngày 18/2/1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác, theo Hiệp ước, quân đội Việt Nam có mặt ở Campuchia để giúp bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và hồi sinh đất nước.

Hành động đó của Việt Nam là chính nghĩa và cũng xuất phát từ nhu cầu tự vệ chính đáng được ghi nhận trong Điều 51 Hiến chương Liên hợp quốc và đã được nhân dân Campuchia và thế giới ghi nhận.

***- Thắng lợi bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc***

+ Năm 1978, Trung Quốc tuyên bố rút chuyên gia, cắt viện trợ cho Việt Nam, liên tiếp lấn chiếm dẫn đến xung đột trên tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam từ năm 1978 đã làm cho quan hệ Trung Quốc - Việt Nam xấu đi rõ rệt.

+ Ngày 17/2/1979, Trung Quốc huy động hơn 60 vạn quân đồng loạt tấn công toàn tuyến biên giới nước ta từ Lai Châu đến Quảng Ninh.

+ Ngày 5/3/1979, Chủ tịch Tôn Đức Thắng ra lệnh Tổng động viên toàn quốc. Quân dân Việt Nam, nhất là quân dân các tỉnh biên giới phía Bắc, được nhân dân thế giới ủng hộ đã kiên cường chiến đấu bảo vệ đất nước.

+ Ngày 5/3/1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân, nhưng vẫn bắn pháo vào lãnh thổ ta nhiều năm sau đó, đặc biệt là trên mặt trận Hà Giang.

+ Từ ngày 18/4/1979 về sau, Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và các vấn đề khác, khôi phục hoà bình, quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Sau 5 năm 1975-1981, quân dân cả nước đã giành được thành tựu thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh biên giới và đã khắc phục một phần hậu quả chiến tranh và thiên tai liên tiếp gây ra… Tuy nhiên, kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra: lưu thông, phân phối rối ren, giá cả tăng vọt, nhập khẩu tăng gấp 4-5 lần xuất khẩu. Đời sống của nhân dân, rất khó khăn.

**2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986**

***a/ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội***

\* **Nội dung cơ bản của Đại hội**

Thời gian: từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982

Địa điểm: thủ đô Hà Nội.

Đại biểu: Dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ IV đề ra và bổ sung những quan điểm mới:

+ Khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Đó là thời kỳ khó khăn, phức tạp, lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường. Nhiệm vụ của chặng đường trước mắt là *ổn định tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.* Đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

+ Cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hộ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau.

+ Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là: tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý.

\* **Ý nghĩa**: Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Tuy nhiên, Đại hội vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

***b. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế***

- Hội nghị Trung ương 6 (7/1984) chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông với hai loại công việc cần làm ngay: Một là, phải đẩy mạnh thu mua nắm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do; hai là, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế.

- Hội nghị Trung ương 7 (12/1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm.

- Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6/1985) chủ trương xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá, lương, tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hoạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa được coi là *bước đột phá thứ hai* trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng.

Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8/1986) đưa ra “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là *bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế*, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới của Đảng. Nội dung đổi mới có tính đột phá là:

+ Về cơ cấu sản xuất: Lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn cả về quy mô và nhịp độ, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, phát huy hiệu quả nhanh nhằm phục vụ đắc lực yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu. Cần tập trung lực lượng, trước hết là vốn và vật tư, thực hiện cho được ba chương trình quan trọng về *lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.*

+ Về cải tạo xã hội chủ nghĩa: Phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, đó là sự cần thiết khách quan để phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng các tiềm năng, tạo thêm việc làm cho người lao động, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; cải tạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự thay đổi chế độ sở hữu, mà còn thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối

+ Về cơ chế quản lý kinh tế: Bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển. Nội dung chủ yếu của cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa là: Đổi mới kế hoạch hoá theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hoá - tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng quản lý hành chính của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế; phân công, phân cấp bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt, quyền chủ động của địa phương trên địa bàn lãnh thổ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Tổng kết 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 -1986):

***- Thành tựu nổi bật***

Ba thành tựu nổi bật:Thực hiện thắng lợi chủ trương thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước; giành thắng lợi to lớn trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

***- Sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân***

Không hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra.

Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài; sản xuất tăng chậm và không ổn định; lạm phát tăng cao; đời sống nhân dân rất khó khăn.

*Nguyên nhân khách quan:* kinh tế của đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, bị bao vây, cấm vận nhiều năm, hậu quả nặng nề của chiến tranh trước đây và hai cuộc chiến tranh biên giới.

*Nguyên nhân chủ quan* *những sai lầm của Đảng:* sai lầm trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế; sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong lĩnh vực phân phối, lưu thông; duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn phá hoại nhiều mặt của địch.

Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là *bệnh chủ quan, duy ý chí,* lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội.

Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân.

**II. LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY)**

**1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội 1986 - 1996**

***a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện***

**\* Nội dung cơ bản của Đại hội**

Thời gian: từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986.

Địa điểm: tại Thủ đô Hà Nội

Đại biểu: Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho gần 2 triệu đảng viên cả nước và có 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng, khởi xướng đường lối toàn diện đất nước. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư.

Đại hội nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, sai lầm, khuyết điểm rút ra bài học của Đảng thời kỳ 1975 - 1986.

Đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội VI đề ra:

- Đại hội VI đã rút ra bốn bài học quý báu:

*+ Một là*, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng’’lấy dân làm gốc’’.

*+ Hai là*, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

*+ Ba là*, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

*+ Bốn là*, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

***- Chủ trương đổi mới kinh tế:***

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế.

Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.

+ Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ.

+ Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là: 1. Bố trí lại cơ cấu sản xuất; 2. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN; 3. Sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; 4. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật; 5. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

+ Đại hội VI nhấn mạnh: “Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”.

***- Chủ trương đổi mới chính sách xã hội***

+ Khẳng định cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên.

+ Bốn nhóm chính sách xã hội là: 1. Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm; 2. Bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương xã hội; 3. Chăm lo giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân. 4. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

***- Chủ trương đổi mới quốc phòng, đối ngoại***

+ Đề cao cảnh giác, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

+ Tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc ; tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, giữ vững hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới.

***- Chủ trương đổi mới hệ thống chính trị***

+ Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng

+ Đổi mới, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước

+ Đổi mới công tác quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”

**\* Ý nghĩa Đại hội VI**: Là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**\* Lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1991)**

***- Hoàn cảnh lịch sử***

Sau Đại hội VI, tình hình thế giới biến chuyển nhanh chóng. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện, gây tác động bất lợi nhiều mặt đối với thế giới và Việt Nam.

Mỹ và các thế lực thù địch tiếp tục bao vây, cấm vận, cô lập, tuyên truyền chống Việt Nam. Trung Quốc vẫn gây hấn trên biên giới phía Bắc, tháng 3/1988, cho quân đội chiếm đảo Gạc Ma và các bãi cạn trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Ở trong nước, những năm 1987 - 1988, khủng hoảng kinh tế-xã hội vẫn diễn ra nghiêm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao, đời sống nhân dân rất khó khăn.

***- Chỉ đạo đổi mới kinh tế***

Thực hiện bốn giảm: Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân

Mở rộng giao lưu hàng hoá, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông; thực hiện cơ chế một giá.

Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Quyết định số 217-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (14/11/1987) trao quyền tự chủ cho các doanh nghiệp.

Đổi mới trong sản xuất nông nghiệp: Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10, gọi tắt là Khoán 10 (4/1988) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên.

Lần đầu tiên *Luật Đầu tư nước ngoài* được Quốc hội khóa VIII thông qua, có hiệu lực từ ngày 1/1/1988.

Trong công nghiệp, xoá bỏ chế độ tập trung, bao cấp, chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa .

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế.

***- Chỉ đạo đổi mới quốc phòng, an ninh, đối ngoại***

Tháng 5/1988, Việt Nam tuyên bố rút 5 vạn quân và Bộ tư lệnh quân tình nguyện ở Campuchia về nước và rút hết vào tháng 9/1989, sớm một năm theo kế hoạch đã định.

Từ năm 1990, Đảng, Nhà nước có những chủ trương đổi mới về quan hệ đối ngoại. Đó là kiên quyết thực hiện chính sách “thêm bạn, bớt thù”; mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, vì hoà bình và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Trước hết là bình thường hoá quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Hoa Kỳ; quan hệ với các nước Đông Nam Á, các nước Châu Âu.

***- Chỉ đạo đổi mới hệ thống chính trị***

Hội nghị Trung ương 6 (3/1989) chính thức dùng khái niệm *hệ thống chính trị*,đề ra sáu nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới:

* Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu ở nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta.
* Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.
* Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.
* Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi nghiệp xây dựng và bảovệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.
* Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa. Song dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo phải trên cơ sở dân chủ; dân chủ với nhân dân, nhưng phải chuyên chính với kẻ địch.
* Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sứcmạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Hội nghị Trung ương 8 (3/1990) đã kịp thời phân tích tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, chỉ rõ nguyên nhân sâu xa, hai nguyên nhân trực tiếpdẫn đến khủng hoảng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu: *Một là,* những quan điểm, khuynh hướng sai lầm, hữu khuynh của một số người lãnh đạo Liên Xô trong quá trình cải tổ. *Hai là,* các thế lực đế quốc và phản động quốc can thiệp, phá hoại, thực hiện diễn biến hoà bình.

Hội nghị Trung ương 6 (3/1989) và Hội nghị Trung ương 8 (3/1990) tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng. Điểm nổi bật là đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.

***b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước***

\***Nội dung của Đại hội**

Thời gian: từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991

Địa điểm: tại Thủ đô Hà Nội

Đại biểu: Dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho trên hai triệu đảng viên cả nước.

- Đại hội VII là thông qua hai văn kiện quan trọng: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược, ổn định và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000*.

- Đại hội VII khẳng định nền kinh tế bước đầu chuyển biến tích cực, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế chị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII thông qua (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) đã tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra năm bài học lớn.

- Cương lĩnh nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản là: “Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới” .

- Cương lĩnh nêu ra 7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội là: Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm. Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu; phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Cương lĩnh chỉ rõ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại.

- Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

- Đại hội VII lần đầu tiên thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000, trong đó xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế-xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Quan điểm chỉ đạo của Chiến lược là: Phát triển kinh tế-xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hoá, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp.

- Tổng kết bài học bước đầu qua 5 năm đổi mới: Một là, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Ba là, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội. Bốn là, tiếp tục phát huy sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp. Năm là, trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới.

- Đại hội VII của Đảng là “Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết” hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Theo chỉ đạo của Đảng, sau Đại hội toàn Đảng, toàn dân đã sôi nổi thảo luận và kỳ họp thứ 11 (4/1992), Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 1992.

- Đại hội VII tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và bước đầu triển khai thực hiện Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

- Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

\* **Lãnh đạo thực hiện:**

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, trong những năm 1991-1996, Ban Chấp hành Trung ương đã họp nhiều lần, chỉ đạo tiếp tục đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật trên những lĩnh vực chủ yếu.

+ Về nông nghiệp: Hội nghị Trung ương 5 (6/1993), đưa ra các chính sách đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Trung ương xác định ba mục tiêu chủ yếu là: Xây dựng nông thôn mới; phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội; tăng cường đoàn kết và ổn định chính trị, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh.

+ Về công nghiệp; Hội nghị Trung ương 7 (7/1994) chủ trương phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Cần xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình.

- Kết quả, sau 5 năm 1991-1995, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm đã hoàn thành vượt mức, GDP đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5-6,5%). Đã bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

- Sau Đại hội VII, tình hình thế giới diễn biến phức tạp; đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới. Hội nghị Trung ương 3 (6/1992) đã thảo luận và đưa ra ba quyết sách quan trọng, đúng đắn về củng cố quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

- Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các lực lượng vũ trang gồm quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Trong tình hình mới phải phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, đề cao cảnh giác, kiên quyết chống lại những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trong sạch vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

- Đảng, Nhà nước chủ trương mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học kỹ thuật, cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hoá dân tộc.

- Những chủ trương trên đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới. Từ tháng 11/1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ và từng bước khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt; tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt với Lào; xây dựng quan hệ tốt với Campuchia; phát triển quan hệ với các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ngày 28/7/1995 (ASEAN) và thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ ngày 11/7/1995. Đến cuối năm 1995, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 160 nước, quan hệ buôn bán với trên 100 nước… Các công ty của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho Việt Nam viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển. Ngày 28/7/1994, Việt Nam phê chuẩn tham gia Công ước về Luật biển 1982 của Liên hiệp quốc.

- Hội nghị Trung ương 3 (6/1992), lần đầu tiên đưa ra chủ trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng . Mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế, làm cho dân giàu nước mạnh giữ vững ổn định chính trị. Nguyên tắc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Yêu cầu và phương châm đổi mới, chỉnh đốn Đảng: xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng; chỉnh đốn Đảng về tổ chức, tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ; đổi mới và tăng cường công tác dân vận; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất. Ngày 17/11/1993, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07 về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất, nhấn mạnh đại đoàn kết lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, vì lợi ích chung của dân tộc; cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai.

**\* Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng**

- Trước sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước, lần đầu tiên Đảng tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ (1/1994). Hội nghị khẳng định, đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, song Đảng đã mạnh dạn tìm tòi và giành thắng lợi quan trọng. Điều cơ bản có tính chất quyết định nhất là Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo duy nhất, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo, có đường lối, chính sách phù hợp với quy luật và thực tiễn Việt Nam, phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng hợp tác quốc tế.

- Ngoài việc cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và bầu bổ sung 20 ủy viên Trung ương Đảng mới để thay thế cho số ủy viên Trung ương sức khoẻ yếu hoặc bị kỷ luật, nhận thức mới của Hội nghị giữa nhiệm kỳ là chỉ rõ trước mắt, nhân dân ta trước mắt nhân dân ta là những thách thức lớn và những cơ hội lớn.

- Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau.

- Lần đầu tiên trong Văn kiện Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Hội nghị Trung ương 8 (1/1995) đã cụ thể hóa một bước chủ trương đó và chủ trương tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách một bước nền hành chính nhà nước . Nhận thức mới của Đảng là: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng.

- Thực hiện và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VII, với quan điểm coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của Đảng, Hội nghị Trung ương 4 đã ban hành 5 Nghị quyết liên quan đến chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy nguồn lực con người: Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo; Về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt; Về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân; Về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình; Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới. Các nghị quyết trên cho thấy quan điểm cách mạng và nhân văn của Đảng: Tất cả là do con người, tất cả vì hạnh phúc con người, chúng ta coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; đồng thời, coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2018)**

***a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2001)***

**\* Nội dung cơ bản của Đại hội**

Thời gian: từ ngày 28/6 đến ngày 1/7/1996

Địa điểm: tại Thủ đô Hà Nội

Đại biểu: Dự Đại hội có 1.198 đại biểu, thay mặt cho hơn 2,1 triệu đảng viên trong cả nước.

Đại đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng và bầu đồng chí Đỗ Mười tiếp tục làm Tổng Bí thư. Báo cáo chính trị của Đại hội VIII đã bổ sung đặc trưng tổng quát về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh* và nổi bật những vấn đề trọng tâm sau:

- Tổng kết 10 năm đổi mới (1986-1996) đất nước thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng.

- Đại hội khẳng định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Đại hội nêu ra sáu bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới:

*Một là,* giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới.

*Hai là,* kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

*Ba là,* xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Bốn là,* mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

*Năm là,* mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại.

*Sáu là,* tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

- Đại hội nêu ra 6 quan điểm về công nghiệp hoá trong thời kỳ mới gồm:

+ Giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.

+ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

+ Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

+ Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

+ Lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.

+ Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

- Xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là vấn đề có ý nghĩa quyết định hàng đầu. Đảng phải tiếp tục đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Cần phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

\* **Ý nghĩa:** Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**\* Sự chỉ đạo của Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996- 2001)**

***- Chỉ đạo đổi mới kinh tế***

+ Hội nghị Trung ương 4, Khóa VIII (12/1997) coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước. Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý và điều tiết theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội.

+ Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hợp tác hoá, dân chủ hoá. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính-tiền tệ; thực hành triệt để tiết kiệm. Tích cực giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế- xã hội.

***- Chỉ đạo đổi mới văn hóa- xã hội***

+ Hội nghị Trung ương 2 (12/1996) đã ban hành hai nghị quyết quan trọng, nhấn mạnh coi giáo dục-đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định tǎng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

+ Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo: Xây dựng con người vừa có đức vừa có tài, vừa ”hồng” vừa ”chuyên”. Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo. Coi giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của nhân dân.

+ Quan điểm chỉ đạo của Đảng về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ: Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, đi sâu nghiên cứu, tổng kết quá trình đổi mới đất nước. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng-an ninh. Nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà, từng bước hình thành nền khoa học và công nghệ hiện đại của Việt Nam.

+ Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7/1998) đã ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hội nghị nhấn mạnh: Vǎn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu vǎn hóa, vì xã hội công bằng, vǎn minh, con người phát triển toàn diện.

+ Mười nhiệm vụ cụ thể xây dựng và phát triển vǎn hóa là: Xây dựng con người Việt Nam; xây dựng môi trường vǎn hóa; phát triển sự nghiệp vǎn học - nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản vǎn hóa; phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học-công nghệ; phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn, phát huy và phát triển vǎn hóa các dân tộc thiểu số; chính sách vǎn hóa đối với tôn giáo; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế vǎn hóa; mở rộng hợp tác quốc tế về vǎn hóa

+ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII được ví như Tuyên ngôn văn hóa của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó, phong trào thi đua yêu nước “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa” được phát động rộng rãi cả nước góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần xã hội.

***- Chỉ đạo đổi mới hệ thống chính trị***

+ Hội nghị Trung ương 3, Khóa VIII (6/1997) đã thông qua Nghị quyết về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh. Hội nghị nhấn mạnh ba yêu cầu lớn:

*Một là*, tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân.

*Hai là*, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tuỵ, phục vụ nhân dân.

*Ba là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nhiệm vụ và giải pháp lớn là: mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các biện pháp tổ chức thực hiện. Tăng cường xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

+ Nghị quyết về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chủ trương của Đảng là xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất và năng, có bản lĩnh chính trị vững vằng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu.

+ Hội nghị Trung ương 4, Khóa VIII (12/1997) bầu đồng chí Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí Thư của Đảng.

+ Thực hiện tự phê bình và phê bình kỷ niệm 30 nǎm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 2/9/1969; ngày 2/9/1999) và kỷ niệm 70 nǎm thành lập Đảng (ngày 3/2/1930; ngày 3/2/2000), Hội nghị Trung ương 6 lần 2, Khóa VIII (2/1999) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng. Trong công tác xây dựng Đảng yêu cầu tǎng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi 4 nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng. Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

+ Hội nghị Trung ương 7, Khóa VIII (8/1999) chủ trương tiếp tục xây dựng và củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của Đảng từ Trung ương đến cơ sở. Xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các ban của Đảng ở các cấp; cải tiến cách làm của các cơ quan của Quốc Hội, của Chính phủ và Chính quyền địa phương; chỉ đạo và sắp xếp tổ chức của hai ngành kiểm sát và tào án; xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội.

+ Tháng 2/1998, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về *Quy chế dân chủ* ở cơ sở, ở xã, phường, thị trấn, ở các cơ quan, đơn vị và trên cả nước.

***b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (2001-2006)***

**\* Nội dung cơ bản của Đại hội**

Thời gian: từ ngày 19 đến ngày 22/4/2001

Địa điểm: tại Thủ đô Hà Nội

Đại biểu: Dự Đại hội có 1.168 đại biểu, thay mặt cho hơn 2,2 triệu đảng viên trong cả nước.

- Đại hội IX đã thông qua các Văn kiện quan trọng, *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010,* bầu đồng chí Nông Đức Mạnh làm Tổng Bí thư Đảng.

**- Đại hội IX của Đảng với nội dung nổi bật với những nhận thức mới:**

- Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người ba dấu ấn cực kỳ sâu sắc: Khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy; diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu; đầu thế kỷ phong trào cách mạng phát triển rộng toàn thế giới, cuối thế kỷ, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

- Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

- Đại hội đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm tiếp theo (2001-2010) với **mục tiêu tổng quát là đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển;** tiếp tục đưa GDP năm 2010 lên gấp đôi so với năm 2000.

Đại hội IX của Đảng đã khẳng định: 15 năm đổi mới (1986-2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học chủ yếu sau:

- Đại hội IX đã nêu ra 4 bài học kinh nghiệm:

*Một là*, trong quá trình đổi mới, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Hai là*, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn sáng tạo

*Ba là*, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

*Bốn là*, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

- Đảng và nhân dân quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. “Tư tưởng Hồ Chí Minhlà một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại”. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng.

- Con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp,  phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế.

- Nhận thức mới về nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp hiện nay: Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

- Nhận thức mới động lực chủ yếu để phát triển đất nước: là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

- Nhận thức mới về thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Nhận thức mới xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy cách mạng; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

- Nhận thức mới về mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. *Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.*

\* **Ý nghĩa:** Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đánh dấu bước trưởng thành về nhận thức vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hóa Chương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

**\* Sự chỉ đạo của Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001- 2006)**

***- Chỉ đạo phát triển kinh tế***

+ Hội nghị Trung ương 3, Khóa IX (9/2001) đã chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, tạo bước phát triển mới, tạo thế và lực cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Hội nghị Trung ương 5, Khóa IX (3/2002) đã thống nhất nhận thức về sự cần thiết và nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể; nâng cao vai trò quản lý của nhà nước; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể. Hội nghị đã thảo luận và thống nhất coi phát triển kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài; tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách phát triển kinh tế tư nhân.

+ Hội nghị Trung ương 7, Khóa IX (3/2003) đã thống nhất nhận thức coi đất đai là tài nguyên quôc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn của đất nước; quyền sử dụng đất là hàng hóa đặc biệt. Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

***- Chỉ đạo đổi mới công tác tư tưởng của Đảng***

+ Hội nghị Trung ương 5, Khóa IX (3/2002) đã đưa ra những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong tình hình mới. Cần đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi liên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyê truyền, giáo dục lý luận chính trị; chủ động tấn công, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

+ Ngày 27/3/2003, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 23-CT/TW về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới nhằm làm cho toàn Đảng, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định và làm cho chủ nghĩa Mác - lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam.

***- Chỉ đạo phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc***

+ Hội nghị Trung ương 7, Khóa IX (3/2003) đã ban hành ba Nghị quyết quan trọng.

+ Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”: Xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo bền vững phát triển đất nước.

+ Nghị quyết về công tác dân tộc: Cần nhận thức rõ vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

+ Nghị quyết về công tác tôn giáo: Xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng. Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

+ Bộ Chính trị khóa IX (3/2004) ban hành Nghị quyết số 36 chủ trương coi người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời, là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Việt Nam với các nước.

- ***Chỉ đạo xây dựng Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới***

+ Hội nghị Trung ương 8, Khóa IX (7/2003) đã ra kịp thời thảo luận và ban hành Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Chiến lược xác định: Mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững an ninh chính trị và môi trường hòa bình. Quan điểm chỉ đạo của Đảng: giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lợi ích cao nhất cao nhất của Tổ quốc là giữ vững môi trường hào bình, ổn định để phát triển kinh tế. Kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

***c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện 2006-2011***

**\* Nội dung cơ bản của Đại hội**

Thời gian: từ ngày 18 đến ngày 25/4/2006

Địa điểm: tại Thủ đô Hà Nội

Đại biểu: Dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn 3,1 triệu đảng viên.

- Với chủ đề “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Ðảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*”, Đại hội đã thông qua các Văn kiện chính trị và bầu lại đồng chí Nông Đức Mạnh làm Tổng Bí thư của Đảng.

- Ðại hội X đã tổng kết một số vấn đề lý luận-thực tiễn của 20 năm đổi mới và nêu ra năm bài học kinh nghiệm:

*Một là*, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Hai là*, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

*Ba là*, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

*Bốn là*, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

*Năm là*, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

*Mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa* mà nhân dân ta xây dựng có **8 đặc trưng**: ***Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh;*** do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; ***có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản***; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

- Đại hội X đã làm sáng tỏ bản chất của Ðảng: Ðảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.

- Ðại hội X, lần đầu tiên đặt chú trọng hàng đầu đến nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Ðảng; cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân, nhưng yêu cầu phải tuân thủ Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước.

- Nội dung mới trong thành tố thứ hai chủ đề Đại hội X là “phát huy sức mạnh toàn dân tộc”. Điểm mới của Đại hội là chỉ ra nhiều biện pháp, hình thức, nhằm phát huy dân chủ, có chính sách bảo vệ lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội.

- Nội dung mới trong thành tố thứ ba chủ để Đại hội X là “đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới”. Tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- Nội dung mới trong mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, Việt Nam *là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.*

**\* Ý nghĩa:** Đại hội X của Đảng là dấu mốc quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các văn kiện thông qua tại Đại hội X là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân quyết tâm đổi mới toàn diện, phát triển với tốc độ nhanh và bền vững hơn trong thời mới.

**\* Sự chỉ đạo của Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X**

***- Chỉ đạo phát triển kinh tế***

+ Hội nghị Trung ương 4 (2/2007), Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*; ra Nghị quyết về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế sau khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO.

+ Quan điểm chỉ đạo của Đảng: Nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thu hút mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa. Phát huy đầy đủ, có hiệu quả các nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác quốc tế.

+ Hội nghị Trung ương 6 (1/2008) đã ra Nghị quyết về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Quan điểm chỉ đạo: Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa nhà nước thị trường và xã hội. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường. Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

+ Hội nghị Trung ương 7, Khóa X (7/2008) ra Nghị quyết vềnông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quan điểm chỉ đạo: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội

***- Chỉ đạo xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị***

+ Nghị quyết Trung ương 4 khóa X (4/2007) đã sắp xếp bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương gọn hơn. Còn 6 ban tham mưu của Trung ương. Chính phủ có 22 bộ và cơ quan ngang bộ.

+ Hội nghị Trung ương 5 (7/2007) đã chủ trương tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị; Chủ trương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Quan điểm chỉ đạo là: Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội, đẩy mạnh phân cấp, tăng chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Phải chủ động, tích cực, có quyết tâm cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm, vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, phương pháp công tác đảng.

+ Hội nghị Trung ương 6, Khóa X (1/2008) đã ra Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước; Nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Nghị quyết về Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008-2012.

+ Hội nghị Trung ương 7, Khóa X (7/2008) đã ban hành Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Nghị quyết về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Tháng 11/2006, Bộ Chính trị khóa X quyết định tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong toàn Đảng, toàn dân. Mục đích là làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội cơ bản, giá trị to lớn của tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạ đức của Người; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội.

***d/ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương 1991***

\***Nội dung cơ bản của Đại hội**

Thời gian: từ ngày 12 đến 19/1/2011

Địa điểm: thủ đô Hà Nội.

Đại biểu: Dự Đại hội có 1.377 đại biểu, thay măt cho 3,6 triệu đảng viên trong cả nước.

Đại hội XI đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược, phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), gọi tắt là Cương lĩnh năm 2011 có kết cấu bốn phần cơ bản giữ như Cương lĩnh năm 1991 có bổ sung, phát triển nhận thức mới ở tiêu đề và nội dung từng phần.

+ *Quá trình cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm*. Cương lĩnh năm 2011 có diễn đạt mới về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ngoài ra còn bổ sung ý nghĩa của những thành quả do các thắng lợi trên mang lại và đánh giá tổng quát sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân, thái độ của Đảng trước những sai lầm đó.

Cương lĩnh khẳng định những bài học kinh nghiệm lớn:

*Một là,* nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

*Ba là*, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

*Bốn là*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

*Năm là*, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh năm 2011 có sửa đổi hai từ bảo đảm bằng từ quyết định ở bài học thứ 5; bổ sung vào nội dung phân tích ở bài học thứ hai: “Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”.

*+ Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp.*

*Về đặc điểm, xu thế chung*: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ biển đảo, tài nguyên, cạnh tranh quyết liệt về kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á-Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động những vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định.

*Đánh giá về chủ nghĩa xã hội*: “Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục” .

Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc.

Những vấn đề toàn cầu cấp bách liên quan đến vận mệnh loài người bổ sung hai vấn đề là chống khủng bố và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Đặc điểm nổi bật hiện nay của thời đại là: các nước có chế độ chính trị và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. “Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội” .

***Về mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản*:**

* *Về mô hình*

Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:* ***Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;*** *do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển;* ***có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo****; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới” .*

Cương lĩnh năm 2011 có bổ sung hai đặc trưng bao trùm, tổng quát: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Cương lĩnh năm 2011 xác định mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI là xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ tám phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

*Một là*, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

*Hai là*, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Ba là*, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

*Bốn là*, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

*Năm là*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

*Sáu là*, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

*Bảy là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

*Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cương lĩnh năm 2011 bổ sung cần nắm vững và giải quyết tốt tám mối quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

+ *Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại*

“*Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển” .

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc.

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, là chủ thể phát triển.

Coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển.

Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm hoạ thiên nhiên.

Kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ; khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào lao động; thiết lập hệ thống đồng bộ, đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội; hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hoà bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về Đảng Cộng sản Việt Nam, bổ sung cách diễn đạt bản chất của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Cương lĩnh năm 2011 tiếp tục khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Cương lĩnh năm 2011 bổ sung, làm rõ phương thức lãnh đạo của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy.

Quan hệ Đảng với nhân dân: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

***Về xây dựng Đảng:*** Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

Cương lĩnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; thể hiện nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cương lĩnh là cơ sở đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động của toàn Đảng, toàn dân, là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, Việt Nam nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc.

- *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020, Đại hội nhấn mạnh:*

*+ Quan điểm phát triển*: Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao.

*+ Ba đột phá chiến lược*:

*Một là*, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

*Hai là*, phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

*Ba là*, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

*+ Định hướng phát triển kinh tế-xã hội*: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường; hoàn thiện bộ máy nhà nước, chuyển mạnh về cải cách hành chính; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

Đại hội XI đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết đại hội X; nhìn lại 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 và nêu ra những kinh nghiệm mới:

*Một là*, trong bất kỳ điều kiện, tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững.

*Ba là*, phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

*Bốn là*, chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

*Năm là*, trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo.

Đại hội XI cũng đã đề cập đến những nội dung: Về đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, coi trọng bảo vệ môi môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, phong phú, đa dạng; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện nhất quán là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

**\* Sự chỉ đạo của Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI**

**-** Hội nghị Trung ương 4 khóa XI (1/2012) chủ trương xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

- Hội nghị Trung ương 4 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/1/2012 Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay.

+ *Một là*, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quan lý các cấp.

+ *Hai là*, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp trung ương.

+ *Ba là*, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo.

- Hội nghị Trung ương 5 khóa XI (5/2012) khẳng định: Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt; là tài sản, nguồn lực to lớn của đất nước, là nguồn sống của nhân dân; quyền sử dụng đất đai là hang hóa đặc biệt.

- Hội nghị Trung ương 6 khóa XI (10/2012):

+ Ban hành Kết luận về Đề án tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

+ Đánh giá kết quả kiểm điểm tự phê bình.

+ Ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 1/12/2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- Hội nghị Trung ương 7 khóa XI:

+ Ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.

+ Ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 6/3/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Hội nghị Trung ương 8 khóa XI:

+ Ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN.

+ Ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Hội nghị Trung ương 9 khóa XI ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

***e. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế***

\***Nội dung của Đại hội XII**

Thời gian: từ ngày 20 đến 28/1/2016

Địa điểm: thủ đô Hà Nội.

Đại biểu: Dự Đại hội có hơn 1.510 đại biểu, thay mặt cho 4,6 triệu đảng viên trong toàn Đảng. Đại hội đã tổng kết 30 năm đổi mới, bầu Ban Chấp hành Trung ương và bầu lại đồng chí Nguyễn Phú Trọng làm Tổng Bí thư của Đảng.

- Chủ đề của Đại hội là: “*Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”.

- Đại hội XII rút ra một số kinh nghiệm sau:

+ *Một là*, trước những khó khăn, thách thức trên con đường đổi mới, phải hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phải phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

+ *Hai là*, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, bám sát thực tiễn của đất nước và thế giới; đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp.

+ *Ba là*, gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa-nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

+ *Bốn là*, kiên trì thực hiện các mục tiêu lâu dài, các nhiệm vụ cơ bản, đồng thời tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, giải quyết dứt điểm những yếu kém, ách tắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển; phát huy mọi nguồn lực trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

+ *Năm là*, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia-dân tộc làm mục tiêu cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Đại hội XII khẳng định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ đổi mới, đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ *sáu nhiệm vụ trọng tâm*:

+ Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

+ Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

+ Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược; chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

+ Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại.

+ Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

+ Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

**\* Sự chỉ đạo của Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII**

Sau Đại hội XII, Trung ương đã tiếp tục chỉ đạo đổi mới những lĩnh vực trọng yếu:

- Hội nghị Trung ương 4, khóa XII (10/2016) đã chủ trương “Thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là:

+ Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia-dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp, đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu. Bảo đảm đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh; giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhất là trong những lĩnh vực, vấn đề liên quan đến ổn định chính trị-xã hội.

+ Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

+ Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế.

- Hội nghị Trung ương 5 (5/2017) chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là:

+ Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

+ Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn.

+ Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế.

+ Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá IX (8/2001), các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động. Vai trò của doanh nghiệp nhà nước đối với nền kinh tế còn hạn chế; hiệu quả sản xuất kinh doanh và đóng góp cho nhà nước còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực Nhà nước đầu tư; nợ nần, thua lỗ, thất thoát lớn.

- Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 *về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.* Quan điểm chỉ đạo:

+ Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối ở những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước; hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng và có vai trò nòng cốt, dẫn dắt phát triển các với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

+ Trung ương đã xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2020 và năm 2030 và đưa ra những nhiệm vụ và giải pháp để tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Hội nghị Trung ương 5, khóa XII đã ra Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 *chủ trương phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.* Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là:

+ Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài; là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển.

+ Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế.

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá X (6/2009) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Hội nghị Trung ương 8 (10/2018) để ra Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là:

+ Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

+ Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân Việt Nam. Trung ương đã xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và năm 204, một số chủ trương lớn và khâu đột phá, các giải pháp để thực hiện Chiến lược biển tiếp tục phát triển phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trong nhiều năm tới

- Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XI về “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Bộ Chính trị khoá XII ban hành Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (5/2016) tiếp tục đẩy mạnh “Học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, coi đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ.

- Hội nghị Trung ương 4 (10/2016) ra Nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật, Trung ương đã chỉ rõ **27 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”** trong nội bộ và đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết, trong đó nhấn mạnh tinh thần kiên quyết, kiên trì thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cấp là nòng cốt.

- Hội nghị Trung ương 7 khoá XII (5/2018) đã ban hành Nghị quyết tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Tháng 10/2018, Hội nghị Trung ương 8 của Đảng đã ban hành Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Ngày 23/10/2018, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV đã bầu Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng giữ cương vị Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021.

- Hội nghị Trung ương 6 khoá XII (10/2017) đã ban hành Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới .

- Hội nghị Trung ương 7 khoá XII (5/2018) đã ban hành Nghị quyết cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Nghị quyết cải cách chính sách bảo hiểm xã hội **.**

***e/ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa***

\***Nội dung của Đại hội XIII**

Thời gian: từ ngày 25/1 đến 1/2/2021

Địa điểm: thủ đô Hà Nội.

Đại biểu: Dự Đại hội có 1.587 đại biểu, đại diện cho hơn 5 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII gồm 200 đồng chí, đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

- Chủ đề của Đại hội: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỉ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội XIII của đảng đã:

+ Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, đánh giá 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020.

+ Đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 2021-2025

+ Xác định mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045.

**- Đại hội XIII đã xác định quan điểm chỉ đạo:**

+ *Quan điểm 1 nêu những vấn đề có tính nguyên tắc trong công cuộc đổi mới*: Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. So với các đại hội trước, Đại hội XIII bổ sung *“kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng”*. Đây là những quan điểm có tính nguyên tắc, bất di, bất dịch.

 + *Quan điểm 2 nêu chiến lược tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững*: Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

 + *Quan điểm 3 nêu động lực phát triển*: Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

 + *Quan điểm 4 nêu nguồn lực phát triển*: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

 + *Quan điểm 5 nêu những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc*: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

- **Đại hội XIII đã xác định mục tiêu tổng quát**

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

 So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung *“năng lực cầm quyền”* vào nội dung “nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng”; bổ sung *“hệ thống chính trị”*, *“toàn diện”*, *“tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”*; xác định *“đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.*

**- Đại hội XIII đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm**

 Đại hội XIII xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội, đó là:

+ Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

+ Tập trung kiểm soát đại dịch Covid-19, tiêm chủng đại trà vắcxin Covid-19 cho cộng đồng; phục hồi phát triển kinh tế-xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập.

+ Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh huệ, từng bước hiện đại.

+ Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế.

+ Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

+ Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

***- Về các đột phá chiến lược: Đại hội chỉ ra ba đột phá chiến lược***

+ Một là, *hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển*, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật.

 + Hai là, phát triển *nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao;* ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở chú trọng nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Ba là, xây dựng *hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội;* ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

 Sự cụ thể hóa 3 đột phá chiến lược của Đại hội XI, XII vào giai đoạn 5 năm 2021-2025 là một điểm mới của Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng.

**3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới**

***a.* *Thành tựu***

* **Thành tựu nổi bật nhất là kinh tế**

+ Năm 1986, Việt Nam bắt đầu đổi mới. Năm 1996, chấm dứt khủng hoảng kinh tế- xã hội. Năm 2008, ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế đạt hiệu quả cao.

+ Đại hội XIII nêu rõ: “ Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện”.

+ Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới.

+ Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên (năm 2020, GDP đạt 271,2 tỉ USD và thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD).

+ Một thành tựu rất quan trọng của công cuộc đổi mới là “giáo dục-đào tạo, khoa học-công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển”.

- **Thành tựu về văn hóa-xã hội:** “Phát triển văn hóa, xã hội, con người đạt nhiều kết quả quan trọng”.

+ Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được Đảng chủ trương từ năm 1998; quan điểm đó không ngừng được bổ sung và phát triển.

+ Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực. “Phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội”, xây dựng cái tốt, cái thiện, đồng thời phê phán, đấu tranh cái xấu, cái ác, cái lạc hậu.

+ Bảo đảm cơ bản an sinh xã hội, quan tâm nâng cao phúc lợi xã hội cho người dân. Đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn dưới 3%, hoàn thành các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc.

- **Quốc phòng, an ninh:**

+ Một thành tựu đặc biệt quan trọng mà Đại hội XIII chỉ ra: “Chính trị-xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đạt nhiều thành tựu nổi bật”.

+ Kết hợp có hiệu quả quốc phòng, an ninh với kinh tế-văn hóa-xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

+ Đã ban hành và triển khai đồng bộ các chiến lược quan trọng như: Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia và Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng…

**- Đối ngoại đạt nhiều thành tựu mới**.

+ Đại hội XIII khẳng định: “ Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác”.

+ Chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu. Xử lý đúng đắn, hiệu quả quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và đối tác khác.

+ Từ định hướng coi “đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại” từng bước chuyển sang đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại. Từ chủ trương “muốn là bạn” đến “sẵn sàng là bạn”, “là bạn, là đối tác tin cậy”, là “thành viên có trách nhiệm” của cộng đồng quốc tế.

Kết quả: Đến năm 2018, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước. Nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp ngày càng tích cực, có trách nhiệm vào đời sống chính trị khu vực và thế giới, phát huy vai trò tích cực trong cộng đồng ASEAN. Việt Nam là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009. Ngày 7-6-2019, Đại hội đồng Liên hiệp quốc bầu Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2020-2021 với số phiếu cao 192/193. Năm 1996, Việt Nam tham gia Diễn đàn kinh tế Á-Âu (ASEM). Ngày 14/11/1998, Việt Nam gia nhập tổ chức Hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC). Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC năm 2006 và năm 2017.

***b. Hạn chế***

- Hoàn thiện thể chế; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được sự chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao.

- Đổi mới giáo dục-đào tạo, khoa học-công nghệ chưa thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy nền phát triển kinh tế-xã hội.

- Lĩnh vực văn hóa-xã hội chưa có nhiều đột phá, hiệu quả chưa cao. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu còn bất cập.

- Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế.

- Sức mạnh Đại đoàn kết dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa có lúc, có nơi chưa được quan tâm phát huy đầy đủ.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mạt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng còn một số hạn chế.

***c. Những hạn chế, khuyết điểm trên đây có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu***

**Về khách quan**: Đổi mới là một sự nghiệp to lớn, toàn diện, lâu dài, rất khó khăn, phức tạp, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Tình hình thế giới và khu vực có những mặt tác động không thuận lợi; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị.

**Về chủ quan:** Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức, đổi mới tư duy lý luận chưa kiên quyết, mạnh mẽ, có mặt còn lạc hậu, hạn chế so với chuyển biến nhanh của thực tiễn. Dự báo tình hình chậm và thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến chất lượng các quyết sách, chủ trương, đường lối của Đảng. Nhận thức và giải quyết tám mối quan hệ lớn còn hạn chế. Đổi mới thiếu đồng bộ, lúng túng trên một số lĩnh vực.

Nhận thức, phương pháp và cách thức chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm, nhất là quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu không được quy định rõ ràng; thiếu cơ chế để kiểm soát quyền lực. Nhiều chủ trương, nghị quyết đúng không được tích cực triển khai thực hiện, kết quả đạt thấp. Một số chính sách không phù hợp với thực tiễn, chậm được sửa đổi, bổ sung.

Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chưa được coi trọng thường xuyên, đúng mức, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tạo được sự thông nhất cao về nhận thức tư tưởng, ý chí và hành động trong Đảng trước những diễn biến phức tạp của tình hình. Đánh giá, sử dụng, bô" trí cán bộ còn nể nang, cục bộ; chưa quan tâm đến việc xây dựng cơ chế, chính sách để trọng dụng người có đức, có tài.

***d*. *Một số bài học kinh nghiệm***

**Một là,** công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Kiên định, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Điểm mới của bài học này so với các đại hội trước là xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện: Chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nhấn mạnh xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện; nhấn mạnh hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; nhấn mạnh yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược.

**Hai là**, trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “Dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; mọi chủ trương chính sách phải thật sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Điểm mới của bài học này là phải thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”, “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; nhấn mạnh lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

**Ba là**, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực, động lực và tính ưu việt của chế độ XHCN; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn; coi trọng tổng kết thực tiễn nghiên cứu lí luận.

Điểm mới của bài học này là trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, có bước đi phù hợp; coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế.

**Bốn là**, tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, đảm bảo hài hòa giữa kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội; giữa tuân theo các quy luật của thị trường và đảm bảo định hướng XHCN; giữa phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh; giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế; thực sự coi trọng, phát huy hiệu quả vai trò động lực của con người, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong phát triển đất nước .

Điểm mới của bài học này là nhấn mạnh tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển (cả kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại).

**Năm là**, chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hòa bình để phát triển đất nước; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; xử lí đúng đắn, linh hoạt, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng, đánh giá đúng xu thế nắm bắt đúng thời cơ. Phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của đất nước kết hợp với sức mạnh của thời đại; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Điểm mới của bài học này là nhấn mạnh chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ, "chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện”.

**KẾT LUẬN**

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã trải qua những thời kỳ, giai đoạn lịch sử quan trọng. Đó là thời kỳ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đi tìm con đường cứu nước (1911-1920) và khẳng định con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xã hội và con người. Thời kỳ 1920-1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, chuẩn bị những điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1930, công bố Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Từ năm 1930 đến năm 1945, Đảnh lãnh đạo các phong trào cách mạng rộng lớn (1930-1931), (1932-1935), (1936-1939), (1939-1945) dẫn tới thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, Đảng lãnh đạo Nhà nước và trở thành Đảng cầm quyền. Thời kỳ (1945-1946) Đảng lãnh đạo xây dựng, củng cố, bảo vệ Nhà nước dân chủ nhân dân và mọi thành quả của cách mạng. Thời kỳ (1946-1954) Đảng đề ra đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ dẫn đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954), buộc Pháp ký Hiệp định Geneve (21-7-1954). Thời kỳ (1954-1975) Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện 2 chiến lược cách mạng, cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dẫn đến thắng lợi vang dội của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (30-4-1975), đất nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất. Thời kỳ (1975-1986) Đảng đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, từng bước tìm tòi đổi mới tư duy kinh tế, đồng thời lãnh đạo cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc phía Tây Nam và chiến tranh biên giới phía Bắc, giúp đỡ nhân dân Campuchia, Lào trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Thời kỳ (1986-2018), Đảng khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện bắt đầu từ Đại hội VI và đường lối đổi mới đó tiếp tục được bổ sung, phát triển thông qua các Cương lĩnh (1991, 2011), các văn kiện của các kỳ Đại hội.

Có thể khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam tiến hành sự nghiệp đấu tranh cách mạng lâu dài đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác để có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Thành tựu của cách mạng vô cùng phong phú, toàn diện và vẻ vang phản ánh quy luật vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

**NHỮNG THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

***Một là, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.***

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đánh đổ ách cai trị của thực dân, phát xít, giành độc lập, đồng thời cũng là cuộc cách mạng dân chủ do nhân dân tiến hành, đánh đổ chế độ quân chủ phong kiến chuyên chế. Cuộc Cách mạng Tháng Tám đã kết hợp đúng đắn đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, thống nhất lợi ích của các giai cấp với lợi ích tối cao của dân tộc, kết hợp chặt chẽ mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

Cách mạng Tháng Tám thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của khát vọng độc lập, tự do và ý chí tự lực, tự cường, *quyết đem sức ta mà tự giải phóng cho ta* như lời kêu gọi tổng khởi nghĩa của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nêu rõ. Đó là thắng lợi của đường lối cứu nước và sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh và vai trò to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng trong cả nước. Cách mạng Tháng Tám thành công là kết quả của quá trình Đảng chủ động nắm bắt thời cơ cách mạng, phát động và lãnh đạo cao trào cách mạng cứu nước, phát triển tổ chức Đảng, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tạo ra thực lực cách mạng, phát triển sức mạnh trong nước để khi nhân tố bên ngoài thuận lợi xuất hiện, Nhật đầu hàng Đồng Minh, Đảng đã chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa.

***Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc,*** đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của các cuộc kháng chiến trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự, độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mạnh là chính, vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh cách mạng, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, kế thừa truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc, Đảng đã phát triển phong phú các hình thức chiến tranh nhân dân, phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam, kết hợp kháng chiến với kiến quốc đã đưa kháng chiến đến thắng lợi với Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử và ký kết Hiệp định Geneve.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cùng với đường lối cách mạng, Đảng phải phát triển sáng tạo về phương pháp cách mạng. Sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng: lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân. Tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao. Kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy. Đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị. Đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận. Kết hợp ba thứ quân, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ... Đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng do Đảng đề ra và thể hiện phong phú trong chiến tranh cách mạng “đã tạo nên sức mạnh tổng hợp cực kỳ to lớn” để đánh thắng thế lực đế quốc giàu mạnh nhất, hung bạo nhất trong thời đại ngày nay.

***Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội***

Cần nhận thức rõ, sự nghiệp đổi mới là kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh và trong những năm đầu sau khi đất nước thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm sáng kiến của nhân dân, Đảng đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế.

Đường lối đổi mới do Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đề ra là bước đổi mới quan trọng về tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn những luận điểm của Karl Marx và V.I.Lênin về những đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hiểu rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới cũng là kết quả của quá trình tổng kết, tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, từng bước khắc phục lối tư duy chủ quan, duy ý chí, giáo điều, nóng vội và thấy rõ sự cần thiết phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Đường lối đổi mới dựa trên cơ sở sáng kiến, nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp nhân dân và do đó trở thành yêu cầu khách quan, tất yếu của cuộc sống.

Hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa, quản lý hành chính, tập trung, bao cấp, nền kinh tế hiện vật sang nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1996), đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước có mức thu nhập trung bình (2008), phấn đấu sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và văn hóa tinh thần. Chính trị, xã hội ổn định và hệ thống chính trị vững mạnh với vai trò của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Quan hệ đối ngoại mở rộng, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc, quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, tạo môi trường hòa bình, hợp tác, phát triển, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: “Những thành tựu đó *tạo tiền đề,* nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử”*[[1]](#footnote-0)1*.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam (1-2016) tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định những thành tựu, đồng thời thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, nhất là công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn nhân lực được huy động; đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) nêu ra vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như tham nhũng, lãng phí, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Nhìn lại 30 năm đổi mới, Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh một số bài học:

Trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp, tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Phải đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

**NHỮNG BÀI HỌC LỚN VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**

***1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội***

Học thuyết cách mạng, khoa học Mác-Lênin soi sáng sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng các dân tộc, giải phóng con người thoát khỏi áp bức, bóc lột, bất công để xây dựng một xã hội tốt đẹp vì con người, đó là chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp là hai cuộc giải phóng vĩ đại, quan hệ mật thiết với nhau như hai cánh chim. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung hàng đầu trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930) xác định rõ mục tiêu: *Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập và để đi tới xã hội cộng sản.* Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn nắm vững kiên định các mục tiêu chiến lược đó. Cách mạng Tháng Tám 1945 đã giành được độc lập cho dân tộc, nhưng lại phải tiến hành 30 năm chiến tranh cách mạng chống xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vào ngày 30-4-1975 mới giành được độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt ra trực tiếp ở miền Bắc từ năm 1954 và trên cả nước từ năm 1975. Công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay đang hiện thực hóa những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà Cương lĩnh của Đảng đề ra, vì dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong thời đại Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

***2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân***

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử, là chủ thể của lịch sử, đó là quan điểm cơ bản trong lý luận Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về cách mạng xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, cách mạng muốn thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc; có dân thì có tất cả, nghĩa là phải dựa vào dân, tổ chức, vận động để nhân dân hiểu rằng cách mạng là công việc của chính nhân dân. Người mong muốn, cách mạng thành công thì *quyền giao cho dân chúng số nhiều.* Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Khi Đảng nắm chính quyền, thì chính quyền đó là để gánh việc chung cho dân chứ không phải để cai trị dân; việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại đến dân phải hết sức tránh.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng Tháng Tám 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Ngoài lợi ích của dân tộc, giai cấp và nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác, từ khi thành lập (1930), Đảng đã xác định luôn luôn gắn bó với nhân dân, từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Nhân dân là người bảo vệ Đảng, giúp đỡ Đảng về mọi mặt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và chính phong trào cách mạng của nhân dân đã hiện thực hóa mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ xa rời quần chúng nhân dân và cả nguy cơ suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Cương lĩnh của Đảng (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu rõ, quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng. Ở mọi thời kỳ cách mạng, nhất là trong điều kiện hiện nay, Đảng đặc biệt chú trọng công tác vận động quần chúng nhân dân. Thấm nhuần chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *dân vận khéo thì việc gì cũng thành công.* Trong công cuộc đổi mới, cùng với bài học *lấy dân làm gốc,* Đảng chú trọng thực hiện phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Đảng và các cơ quan nhà nước các cấp phải thật sự hiểu dân, tin dân, gần dân, bàn bạc với dân và thật sự vì dân.

**3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế**

Đoàn kết là nguyên tắc của Đảng chân chính cách mạng. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848),* Karl Marx và Friedrich Engels đã nêu rõ khẩu hiệu chiến lược: *Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại.* Đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản bổ sung: *Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại.* Đối với dân tộc Việt Nam, đoàn kết là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng nêu cao ngọn cờ dân tộc, lợi ích quốc gia, dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc là điểm căn bản và nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Người coi giữ gìn đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Người cũng là hiện thân của tinh thần đoàn kết quốc tế.

Nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo, toàn dân Việt Nam đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên thành công của Cách mạng tháng Tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, tranh thủ được sự đoàn kết và ủng hộ của đồng chí, bè bạn và nhân dân thế giới, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng nhấn mạnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung của lợi ích quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng, tôn trọng lợi ích của các tầng lớp, giai cấp không trái với lợi ích chung. Khép lại quá khứ, xóa bỏ định kiến, hận thù, mặc cảm, hướng tới tương lai. Đại đoàn kết dân tộc, nhân dân luôn luôn gắn liền với phát huy và hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tôn trọng quyền con người, quyền và trách nhiệm công dân. Trong lịch sử, Đảng đã chú trọng xây dựng các tổ chức Mặt trận, các đoàn thể để đoàn kết toàn dân, ngày nay, tăng cường xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện tốt nhất đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tạo sự đồng thuận xã hội.

**4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế**

Chủ nghĩa Mác-Lênin mang bản chất quốc tế, cách mạng của giai cấp vô sản không chỉ giải phóng giai cấp lao động trong một nước mà giải phóng toàn nhân loại. Đoàn kết và ủng hộ lẫn nhau giữa các cuộc cách mạng và nhân dân các nước là yêu cầu khách quan tất yếu. Trong thế giới hiện đại, nhiều vấn đề không thể giải quyết trong phạm vi một nước mà cần đến sự hợp tác quốc tế. Hồ Chí Minh là lãnh tụ dân tộc, lãnh tụ của Đảng đồng thời là chiến sĩ quốc tế. Người thấy rõ sự cần thiết phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”[[2]](#footnote-1)1. Quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã kết hợp đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, tạo nên nhân tố quyết định thắng lợi.

Cách mạng tháng Tám 1945 đã phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc, với ý chí đem sức ta mà tự giải phóng cho ta đồng thời tận dụng cơ hội thuận lợi khi phe Đồng minh chiến thắng phát xít Nhật. Trong hai cuộc kháng chiến, sức mạnh của dân tộc được huy động cao nhất với tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng huy động cao nhất nguồn lực trong nước đồng thời tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài bao gồm cả viện trợ, cho vay và đầu tư trực tiếp. Tích cực, chủ động hợp tác với các nước, hội nhập quốc tế, tạo cả thế và lực để phát triển đất nước. Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, đã tạo được sự hội nhập thành công đồng thời vẫn giữ vừng độc lập, tự chủ và con đường phát triển của đất nước.

**5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam**

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đặc biệt chú trọng xây dựng Đảng Cộng sản - đội tiền phong của giai cấp vô sản. Đảng Cộng sản phải được trang bị lý luận tiền phong, khoa học, có Cương lĩnh chính trị rõ ràng, được tổ chức theo những nguyên tắc cơ bản và với kỷ luật chặt chẽ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng để tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, Đảng không có chủ nghĩa (lý luận) cũng giống như người không có trí khôn. Người nhấn mạnh, Đảng và từng cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng. Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đề ra 23 điều về tư cách người cách mệnh. Năm 1947, Người đề ra 12 điều về tư cách của một Đảng chân chính cách mạng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Không ngừng phát triển, bổ sung Cương lĩnh chính trị, đường lối, nắm vững và kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Khẳng định tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, đồng thời chú trọng các nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng; tự phê bình và phê bình; gắn bó mật thiết với nhân dân và nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chú trọng công tác cán bộ, coi cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Rèn luyện đạo đức cách mạng là nội dung cơ bản trong xây dựng Đảng. Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo. Đảng lãnh đạo bằng đường lối và những quyết sách đúng đắn và thông qua hệ thống tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị; thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên trên tất cả các lĩnh vực nhằm hiện thực hóa đường lối của Đảng. Chú trọng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và không ngừng làm rõ những vấn đề đặt ra trong khoa học lãnh đạo quản lý.

Để hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo của Đảng cầm quyền, Đảng không ngừng đổi mới, tự chỉnh đốn; phòng ngừa, đẩy lùi nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân và cả nguy cơ suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (30-10-2016) đã ban hành Nghị quyết *Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.* Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn liền với thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị (15-5-2016) về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII (25-10-2017) về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII (19-5-2018) về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp nhất là cấp chiến lược, thật sự làm cho Đảng vững mạnh, tiếp tục hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo xã hội và Nhà nước, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới./.

**KẾT LUẬN**

**Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam**

- Một là, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.

- Hai là, thắng lợi của cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc.

- Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng:**

- Một là, nắm vững ngọn cờ Độc lập dân tộc và chủ ghĩa xã hội

- Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

- Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

- Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

- Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng VN.

1. 1 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2011, tr. 66. [↑](#footnote-ref-0)
2. 1 *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, tr. 320. [↑](#footnote-ref-1)